

Số: *76* /CV-DLG

Gia Lai, ngày 29 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Mã chứng khoán: DLG
Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366
Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 3748 367
Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

1. Ngày 29/4/2020, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã nhận được công văn số 2294/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2020 của UBCKNN về việc chấp thuận tạm hoãn CBTT BCTC kiểm toán năm 2019;

2. Quyết định HĐQT số *04*/QH-HĐQT-ĐLGL ngày 29/4/2020 về đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty quý I năm 2020 và thảo luận phương hướng hoạt động SXKD năm 2020.

3. Báo cáo thường niên năm 2019 (*Hiện tại, vì lý do bất khả kháng (ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19) nên công ty chúng tôi xin gia hạn, lùi thời gian nộp, công bố Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019: đến ngày 15/5/2020 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo công văn số 2294/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2020. Vì vậy, số liệu tài chính năm 2019 được phân tích trong Báo cáo thường niên năm 2019 dựa trên BCTC riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán*)

4. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2020 (*Vì chưa có BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 nên số liệu đầu kỳ là số liệu chưa kiểm toán*);

5. Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 1 năm 2020 (*Vì chưa có BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2019 nên số liệu đầu kỳ là số liệu chưa kiểm toán*);

6. Công văn số *75*/2020/CV-DLGL ngày 29/04/2020 về việc giải trình LNST lỗ và chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo kết quả kinh doanh quý 1/2020 và giải trình LNST trong kỳ báo cáo chuyển từ lỗ ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này tại BCTC hợp nhất.

Sau khi Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 được phát hành, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai sẽ cập nhật lại Báo cáo thường niên năm 2019, BCTC hợp nhất và riêng lẻ quý 1 năm 2020 để công bố thông tin đến Quý cơ quan.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/4/2020 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Công văn 2294/UBCK-GSDC của UBCKNN,
- QĐ HĐQT số 04/QĐ-HĐQT-DLGL,
- Báo cáo thường niên năm 2019,
- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2020;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 1 năm 2020;
- Công văn số ...75.../2020/CV-DLGL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Cao Châu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019



Đổi mới



Phát triển



Chia sẻ



Đoàn kết

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Add: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, Tp. Pleiku, T. Gia Lai

Tel: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366

Website: www.duclonggroup.com

Đi là đến!

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Mã cổ phiếu: DLG
- **Quá trình hình thành và phát triển**

+ Năm 2019

DLGL tích cực trong công tác đổi mới hệ thống quản trị, thay đổi phương án kinh doanh, cấu trúc doanh nghiệp và các công ty thành viên theo hướng ổn định, tiến hành chuyển nhượng các dự án, thoái vốn khỏi các công ty hoạt động kém hiệu quả. Nhờ vậy, kết quả năm 2019 có bước khả quan, các công ty thành viên đều tích cực nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu, thúc đẩy kết quả kinh doanh tăng trưởng.

Tính chung cả năm, các công ty đều cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Riêng các công ty hoạt động trong lĩnh vực BOT, Năng lượng, Khách sạn, Sản xuất linh kiện điện tử... đều vượt chỉ tiêu. Đặc biệt, các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Trung Quốc, Hàn Quốc liên tiếp có mức tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc.

Kết quả đạt được năm 2019 là tiền đề quan trọng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

+ Năm 2018

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

+ Năm 2017

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

+ Năm 2016

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

+ **Tháng 09/1995**

Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai được thành lập với một ngành nghề là chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Doanh nghiệp có số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng và 9.700 m2 đất và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công, bán tự động.

- **Các sự kiện khác**

+ **Các hoạt động nổi bật trong năm 2019:**

✓ Ngày 06/01/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ và Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam Bùi Văn Cường cùng đoàn Lãnh đạo cấp cao tỉnh Gia Lai đã có chuyến thăm, chúc Tết và động viên Ban Lãnh đạo, CBNV Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ Ngày 29/6/2019 tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

✓ Ngày 03/9/2019, bổ nhiệm hàng loạt nhân sự cấp cao. Theo đó, Ông Trần Cao Châu - Ủy viên HĐQT, nguyên Kế toán trưởng, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2017 - 2022 thay cho ông Nguyễn Trung Kiên. Ông Đỗ Thành Nhân được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm KTT Công ty thay cho ông Trần Cao Châu.

✓ Ngày 30/12/2019, Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) đón nhận bằng khen từ Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác ủng hộ Quỹ “Vi người nghèo” năm 2019 trên địa bàn tỉnh này.

+ **Các thành tích đã đạt được:**

✓ 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.

✓ 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.

✓ 3 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ.

✓ Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.

✓ Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.

✓ Bảng khen của Bộ Giao thông vận tải trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi - Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 5 năm liền ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top những người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.

✓ Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được trao tặng nhiều Bảng khen, Cúp, Cờ của các bộ, ngành, địa phương.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh:

+ **Ngành nghề chiến lược:**

- ✓ Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)
- ✓ Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử
- ✓ Cơ sở hạ tầng theo hình thức PPP

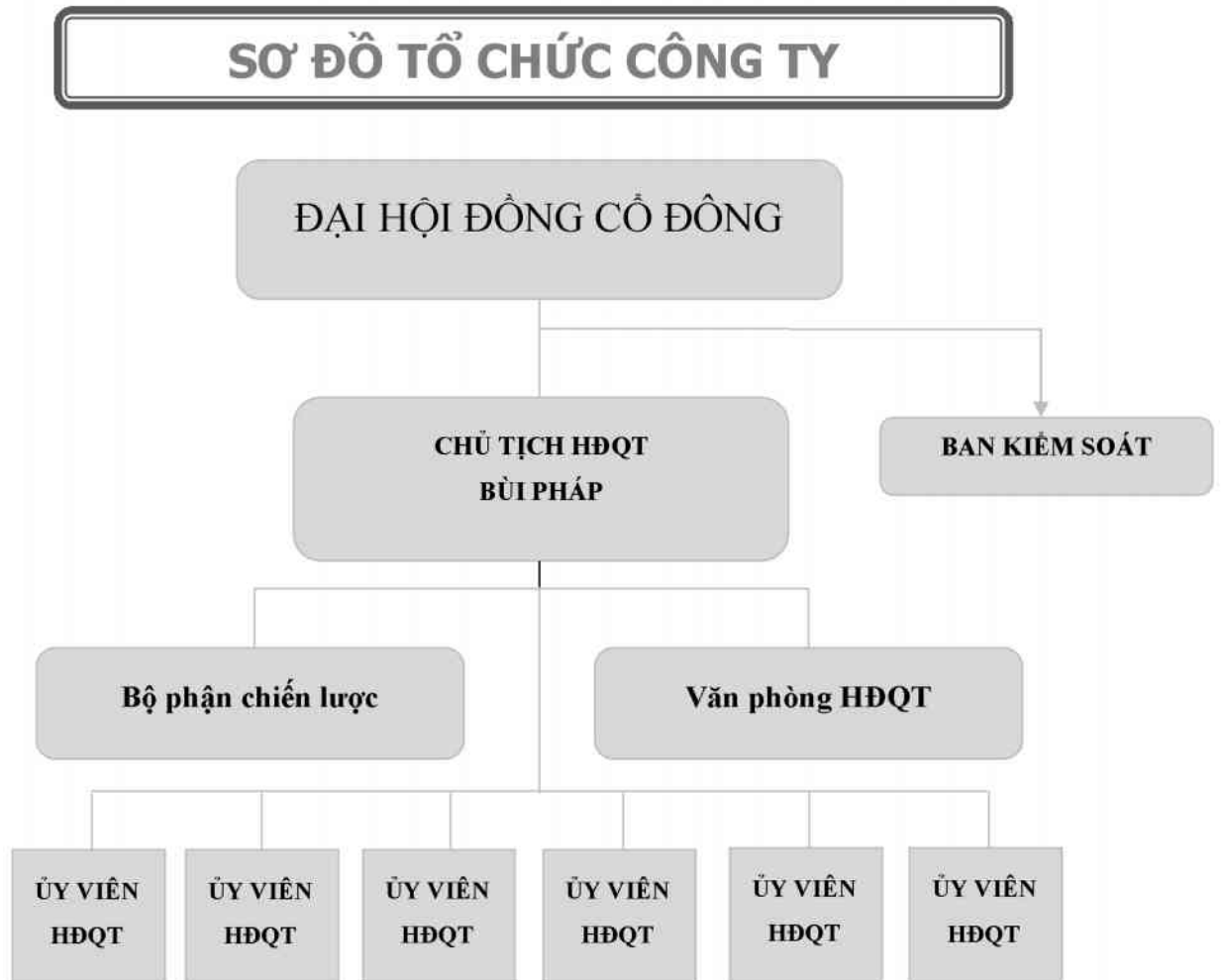
+ **Ngành nghề truyền thống**

- ✓ Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng
- ✓ Chế biến và kinh doanh đồ gỗ

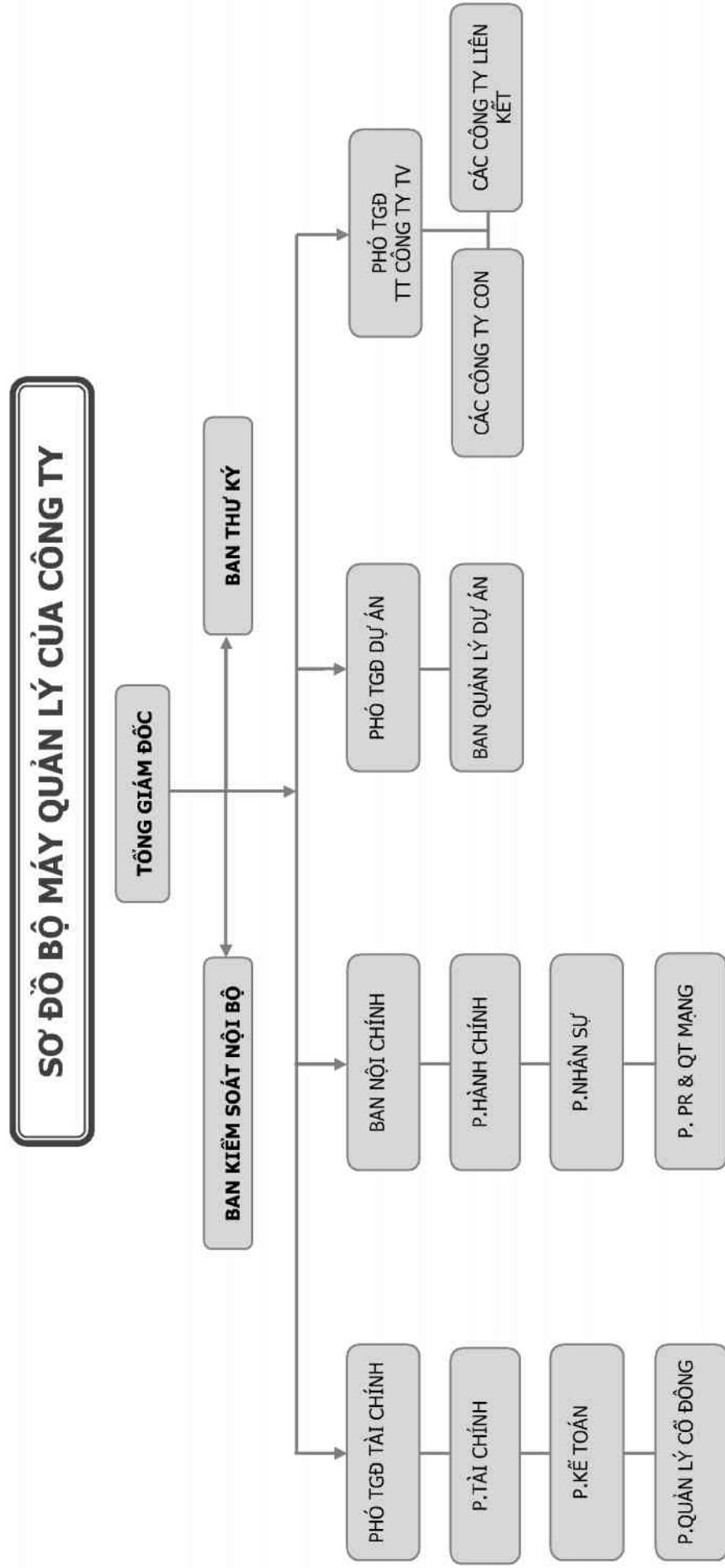
- Địa bàn kinh doanh:

Là một Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong địa bàn tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- Mô hình quản trị



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I. Công ty con					
1	CTCP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Tổ 9, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	250	70,60%
2	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng gia thông, ...	203,81	73,5%
3	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng. <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 65/QĐ-HĐQT-ĐLGL 29/12/2018. Đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng)</i>	47, Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, ...	75	85%
4	Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	211 thôn Phú Hà, Xã Ia Blứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác, trồng cây lấy củ có chất bột, ...	360,5	99,80%

5	Công ty CP Năng lượng Tân Thương	18 Hà Huy Tập , phường 3. TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đông.	Xây dựng thủy điện, ...	155	88%
6	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện điện tử, ...	320	97,73%
7	Công ty cổ Phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,	601	84,03%
8	Công ty CP Cà Phê Gia Lai	97 Phạm Văn Đông, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán nông nghiệp, trồng cây cà phê, ...	146,763	51%
9	Công ty CP Chè Biển Hồ	Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất nông nghiệp, mua bán xuất nhập khẩu cà phê, chè, ...	89,356	51%

10	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng <i>(Đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ HĐQT số 02B/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 05/4/2019 và QĐ HĐQT số 20/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 26/9/2019)</i>	149-151 Đường A9, Khu Dân cư Trung Sơn, Ấp 4B, xã Bình Sơn, Huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh Bất động sản, Kinh doanh nhà các loại, ...	200	98,79%
II. Công ty liên kết					
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%
2	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su,	15	40,00%
3	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, ...	2,28	40,00%
4	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận <i>(Thoái vốn theo QĐ HĐQT số 19/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 18/9/2019)</i>	Số 08, Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện, ...	90	20%
5	Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên <i>(Thoái vốn theo QĐ HĐQT số 12/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 26/8/2019)</i>	02 Đặng Trần Côn - Trà Bá - Pleiku - Gia Lai	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, ...	60	33,33%

4. ***Định hướng phát triển***

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

+ Phần đầu đến năm 2025, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ Về doanh thu và lợi nhuận: Đức Long Gia Lai phấn đấu tốc độ tăng doanh thu hàng năm đạt từ 30% - 50%.

✓ Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

+ Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty

✓ Đối với môi trường: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường xung quanh, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ tránh ô nhiễm môi trường và cũng đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...

✓ Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội

✓ Đối với cộng đồng: những công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

+ Trở thành Tập đoàn đầu tư đa ngành hàng đầu Việt Nam vào năm 2025 với các Lĩnh vực cốt lõi:

✓ **Năng lượng:** Đối với hoạt động đầu tư năng lượng điện gió và điện mặt trời, Đức Long Gia Lai chủ trương xây dựng mô hình kiểu mẫu cho Việt Nam trong tương lai và phát triển năng lượng tái tạo theo mô hình phát triển nguồn điện phân tán và giải pháp lưu điện công nghệ cao, kết hợp phát triển lưới điện thông minh đã và đang áp dụng rất thành công tại Đức. Việc xây dựng các dự án năng lượng có ý nghĩa hết sức thiết thực, không chỉ đảm bảo doanh thu, lợi nhuận

cho Đức Long Gia Lai mà còn góp phần quan trọng đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Đẩy mạnh tiến độ thi công xây dựng các Dự án thủy điện: Thủy điện Tân Thượng (dự kiến hoàn thành xây dựng và bán điện thương mại vào cuối năm 2021). Chuẩn bị thủ tục đầu tư 04 dự án thủy điện khác tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với tổng công suất 250 kwh, dự kiến sẽ hoàn thiện thủ tục pháp lý và khởi công từ cuối năm 2020.

✓ **Sản xuất linh kiện điện tử:** Phát triển và mở rộng quy mô lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử ở nước ngoài, đưa các sản phẩm điện tử viễn thông công nghệ cao vào thị trường Việt Nam. Đồng thời, xây dựng các nhà máy sản xuất điện tử ở trong nước, đáp ứng nhu cầu công nghệ ngày càng cao trong nước. Tiếp tục tái cấu trúc và ổn định hoạt động của Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Ansen tại thành phố Đông Quảng, tỉnh Quảng Đông và Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Seoul Hàn Quốc. Nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM tận dụng triệt để lợi thế về hệ thống quản trị tiêu chuẩn quốc tế, công nghệ hiện đại đã áp dụng thành công ở các nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử của DLG tại nước ngoài. Nhà máy có đầy đủ các thiết bị máy móc tối tân trong lĩnh vực lắp ráp các sản phẩm điện tử, hàng tháng có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn cho các khách hàng truyền thống nổi tiếng như: Honeywell, Whirlpool, Azad, ADV... Các mặt hàng điện tử dân dụng đang sản xuất với số lượng lớn hiện nay là: máy xén tóc & cạo râu, chuông cửa, đèn LED, thiết bị định vị GPS, đèn cảnh báo thoát hiểm ... Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 01 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng.

✓ **Cơ sở hạ tầng:** Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có năng lực hàng đầu Việt Nam về đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng. Đây là thế mạnh được Chính phủ Việt Nam chọn làm nhà đầu tư thi công tuyến đường cao tốc Quốc lộ 1 và Quốc lộ 14 với tổng mức đầu tư cho các dự án về cơ sở hạ tầng và các dự án trong tương lai ước tính hàng tỷ USD bằng hình thức BOT, BT, PPP. Đến thời điểm hiện nay, ở lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp duy nhất nắm trong tay 4 trạm thu phí trên gần 150 Km đường BOT với thời gian thu trên 20 năm.

Định hướng trong thời gian tới, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục tìm kiếm, cũng như tham gia đấu thầu các dự án lớn về cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu hành chính kết hợp với việc đầu tư kinh doanh các khu dân cư từ nguồn đất được giao, các dự án giao thông đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển... trong cả nước.

5. **Các rủi ro:**

- **Các yếu tố rủi ro**

+ **Rủi ro kinh tế**

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

✓ Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP.

✓ Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Về tình hình trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức như thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả tỉnh thành; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch. Tuy nhiên, năm 2019 là năm "bứt phá" phần đầu thực hiện thắng lợi. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng, tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%.

✓ Bên cạnh đó, thống kê cho thấy, năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong 3 năm qua. Công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ thị trường đóng vai trò động lực phát triển kinh tế đất nước. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa vượt mốc 500 tỷ USD. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần, thu nhập của người lao động tăng lên. Điều đó cho thấy Chính phủ không chỉ tập trung cho con số tăng trưởng mà còn chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô đó, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã trải qua một năm hoạt động đạt nhiều kết quả tích cực.

✓ Dịch Covid-19 bắt đầu phát sinh vào tháng 01/2020 và đang lan rộng trên phạm vi toàn cầu, len vào mọi ngõ ngách của kinh tế, kéo giảm doanh thu, gián

đoạn chuỗi cung ứng, làm bốc hơi cả nghìn tỷ USD GDP toàn cầu và có thể khiến nền kinh tế thế giới rơi vào bế tắc. Ngành sản xuất hàng điện tử, ô tô, dệt may và giày dép chịu ảnh hưởng nặng nề. Ngành du lịch, dịch vụ và hàng không thế giới cũng sụt giảm mạnh do việc hạn chế đi lại. Các nền kinh tế chủ chốt đối mặt với nhiều khó khăn và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các ngành nghề chiến lược và cả các ngành nghề truyền thống đều không thoát khỏi ảnh hưởng bởi tác động của dịch bệnh, như: Các khách sạn, nhà nghỉ vắng khách, các trạm thu phí giảm mạnh doanh thu, các ngành sản xuất khác như: Linh kiện điện tử, gỗ, đá phải giảm quy mô sản xuất và bị thu hẹp thị trường tiêu thụ với chính sách cách ly xã hội để phòng tránh dịch bệnh,...

+ **Rủi ro lãi suất**

✓ Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Trái ngược với những năm trước, lãi suất năm 2019 có xu hướng đi ngang và giảm dần về cuối năm. Đây là tình huống trước nay chưa hề có, thế nhưng nó lại phù hợp với xu hướng điều phối dòng vốn của Ngân hàng Nhà nước và nới lỏng chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới. Trong năm, lãi suất có diễn biến tốt khi tình hình vĩ mô ổn định, lạm phát thấp tạo điều kiện giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng tài chính.

+ **Rủi ro tỷ giá**

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Rủi ro pháp luật**

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

+ **Rủi ro môi trường**

✓ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

- **Rủi ro đặc thù ngành**

+ **Rủi ro đối với ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ:**

✓ Với đặc điểm của ngành là chỉ cần đầu tư lần đầu và tiếp tục công tác duy tu, thu phí nên đây là ngành ổn định ít bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế. Ngoài ra, với hình thức đầu tư “Nhà nước và tư nhân cùng làm” giúp cho hoạt động của công ty đảm bảo lâu dài, không bị ảnh hưởng bởi chính sách. Dòng tiền của ngành vẫn ổn định do nhu cầu đi lại của người dân vẫn cao. Do đó đây là ngành ít rủi ro và có nguồn thu ổn định.

+ **Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:**

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp.

+ **Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:**

✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới. Để giảm thiểu rủi ro,

Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort để thu hút du khách.

+ **Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:**

✓ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble, HanBit, ... là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp ĐLGL dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.

+ **Rủi ro đối với ngành năng lượng tái tạo:**

✓ Đức Long Gia Lai chú trọng đầu tư hoạt động khai thác năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Phần đầu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai. Mặc dù năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, tuy nhiên, dạng năng lượng này chưa được phát triển nhanh, rộng tại Việt Nam. Để đẩy nhanh phát triển nhanh nguồn năng lượng sạch của Việt Nam cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về: thể chế, pháp lý, thị trường, ...

III. Tình hình hoạt động trong năm

Hiện tại, vì lý do bất khả kháng (ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19) nên công ty chúng tôi xin gia hạn, lùi thời gian nộp, công bố Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019: đến ngày 15/5/2020 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo công văn số 2294/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2020.

Vì vậy, số liệu tài chính năm 2019 được phân tích trong Báo cáo thường niên này dựa trên BCTC riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.897.509	2.914.292	2.863.100	-1,76%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.409.618	2.483.969	2.352.810	-5,28%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	487.891	430.323	510.290	+18,58%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	153.392	161.664	262.270	+62,23%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	352.361	342.436	369.554	+7,92%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	41.173	27.430	35.617	+29,85%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	171.851	193.870	197.330	+1,78%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	76.103	28.276	170.060	+501,43%
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	12.650	8.272	-28.839	-
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	88.752	36.549	141.222	+286,39%
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	59.362	14.353	107.874	+651,58%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	Tỷ đồng	3.200	2.864	89,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120	107,8	89,83%

Trong năm 2019, Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch và tạo lợi nhuận cho cổ đông. Kết thúc năm tài chính 2019, doanh thu thực hiện 2.864 tỷ đồng, đạt 89,5 % kế hoạch và bằng 98,2% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế 107,8 tỷ đồng, đạt 89,83% so với kế hoạch và tăng 651,58% so với năm trước. Hoạt động SXKD của Đức Long Gia Lai đang đi vào ổn định và tạo được nguồn vốn thường xuyên cho việc đầu tư các lĩnh vực trọng yếu. Một số lĩnh vực hoạt động đầu tư và kinh doanh có sự tăng trưởng khá, nhất là trong các lĩnh vực: Sản xuất linh kiện điện tử, thu phí các dự án BOT quốc lộ 14, xây dựng dân dụng, cầu đường và công nghiệp, thủy điện, ...;

2. *Tổ chức và nhân sự*

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Trung Kiên	Tổng giám đốc	11.058	0,004	Đã miễn nhiệm ngày 03/09/2019
2	Trần Cao Châu	Tổng giám đốc	525.000	0,175	Đã bổ nhiệm ngày 03/09/2019
3	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	68.389	0,023	-
4	Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc	35.479	0,012	-
5	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0	-
6	Đỗ Thành Nhân	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	82	0	Đã bổ nhiệm ngày 03/09/2019

+ **Nguyễn Trung Kiên – Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 03/09/2019)**

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- ✓ 1999 – 2003 : Nhân viên kỹ thuật Công ty Công trình 86.
- ✓ 03/2003 - 02/2007 : Nhân viên ban QLDA bến xe Đức Long Gia Lai.
- ✓ 03/2007 - 08/2010 : Giám đốc, Ban QLDA Đức Long Tower- Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 10/2010 – 3/2018 : Giám đốc Công ty CP BOT & Đức Long Đak Nông
- ✓ 4/2018 – 9/2019 : Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Trần Cao Châu – Tổng Giám đốc (Đã bổ nhiệm ngày 03/9/2019)**

Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

- ✓ Từ năm 1992 – 1997 : Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- ✓ Từ năm 1997 – 2001 : Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
- ✓ Từ năm 2001 – năm 2002 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ Từ năm 2002 – 2006 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
- ✓ Từ năm 2006 – 2013 : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;
- ✓ Từ năm 2013 – 2016 : Kinh doanh tư nhân;
- ✓ Từ 4/2016 – 4/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ năm 2016 – 5/2017 : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Từ 5/2017 – 3/2018 : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 4/2018 – 02/9/2019 : Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 6/2019 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 03/9/2019 – nay : Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

+ **Trần Văn Phương - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

- ✓ 2007 - 01/2009 : Công ty THHH XDCT Hùng Vương.
- ✓ 02/2009 - 04/2012 : Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 05/2012 - 08/2013 : Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai

✓ 09/2013 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.

✓ 06/2017 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Vũ Thị Hải – Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

✓ 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.

✓ 1/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 3/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 5/2011- 6/2013 : Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính, Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 4/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Phạm Minh Việt - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

✓ 2000 - 2003: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.

✓ 2003 - 2006 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.

✓ 2006 - 2008: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.

✓ 2008 - 2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách cơ sở hạ tầng Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai

+ **Đỗ Thành Nhân: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán**

Trình độ: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

✓ 01/9/2004 đến 9/2019: làm việc tại Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

✓ 9/2019 đến nay: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Nhằm kiện toàn nhân sự cấp cao trong nhiệm kỳ mới, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo guồng máy vận hành xuyên suốt, nhất là trong giai đoạn ĐLGL không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư trong và ngoài nước. Đầu tháng 9/2019, Tập đoàn đã có sự thay đổi đột phá khi miễn nhiệm và bổ nhiệm Ban lãnh đạo mới. Theo đó, Ông Trần Cao Châu (sinh năm 1971), Ủy viên HĐQT, nguyên Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2017 - 2022 thay cho ông Nguyễn Trung Kiên. Ông Đỗ Thành Nhân (sinh năm 1979) được bổ nhiệm làm Trưởng Phòng tài chính kế toán thay cho ông Trần Cao Châu.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

+ **Thống kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn (bao gồm các công ty thành viên) tính đến 31/12/2019 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2019 là 9 triệu đồng/người/tháng.

+ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

✓ Chính sách tuyển dụng

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

✓ Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn luôn đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá kết quả công việc và mục tiêu công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

✓ Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua

khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt và bổ trí chức vụ cao hơn.

✓ Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v...

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Cho vay ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	810.551	1.131.546
Cho vay ngắn hạn cá nhân	Tr.đồng	601.356	435.946

Đầu tư dài hạn

Chỉ tiêu	2018 (Tr.đồng)	2019 (Tr.đồng)
Đầu tư góp vốn	1.500	480
CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480
CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Đức Long Gia Lai	1.020	-
Cho vay	476.062	879.363
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	-	220.000
CTCP Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	17.000	15.550
Công ty CP đầu tư xây dựng Vạn Gia Long	11.928	-
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	2.389	2.389
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku Gia Lai	171.015	144.045
Hoàng Thị Thu Hà	-	44.000
Nguyễn Tấn Đạt	218.896	65.646
Hồ Thị Mỹ Trinh	39.234	25.224

Nguyễn Thị Như Lũy	-	11.284
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	-	320.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng	-	22.681
Các đối tượng khác	15.600	8.543

Tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2016, Công ty tăng vốn từ nguồn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn góp của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng. Phương án sử dụng vốn của đợt chuyển đổi trái phiếu nhằm mục đích bổ sung vốn cho Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt (300 tỷ), Dự án thủy điện và năng lượng (150 tỷ) và bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh (50 tỷ).

Phương án sử dụng vốn đã được điều chỉnh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQĐHĐCĐTN2019 ngày 29/6/2019 và Quyết định Hội đồng quản trị số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 31/7/2019 thì tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2019:

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Dự án	Số tiền vốn đã huy động từ đợt phát hành	Số tiền đã sử dụng từ đợt phát hành	Số tiền chưa sử dụng hết từ đợt phát hành	Ghi chú
1	Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt	300.000.000.000	300.000.000.000	0	-
1.1	<i>Dự án chăn nuôi, phát triển bò sữa và bò thịt</i>	<i>177.716.686.733</i>	<i>177.716.686.733</i>	<i>0</i>	<i>-</i>

1.2	Bổ sung vốn lưu động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh	122.283.313.267	122.283.313.267	0	Điều chỉnh theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL ngày 31/7/2019
2	Dự án thủy điện và năng lượng	150.000.000.000	150.000.000.000	0	-
3	Bổ sung vốn lưu động trong kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	0	-
Tổng cộng		500.000.000.000	500.000.000.000	0	-

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán là 500.000.000.000 đồng theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty con

Công ty TNHH Mass Noble Limited

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	1.880,95	1.962,4
2	LNTT	Tỷ đồng	39,3	113,5
3	Tài sản	Tỷ đồng	927,5	882,5
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	320,06	320,06

CTCP BOT&BT Đức Long Đăk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	210,17	213,3
2	LNTT	Tỷ đồng	40,63	50
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.247,4	1.237
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250,00	250,00

CTCP Chè Biển Hồ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	17,87	93,4
2	LNTT	Tỷ đồng	1,2	0,74
3	Tài sản	Tỷ đồng	152,6	148,3
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	89,4	89,4

Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	0,82	1
2	LNTT	Tỷ đồng	-0,12	0,54
3	Tài sản	Tỷ đồng	0,66	1,3
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1,98	1,98

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty liên kết

Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	21,69	23,29
2	LNTT	Tỷ đồng	2,16	2,29
3	Tài sản	Tỷ đồng	39,68	35,12
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2,96	2,96

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	8.712.258	8.776.058	0,73%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.914.292	2.863.100	-1,76%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	28.276	170.060	501,43%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	8.272	-28.838	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	36.549	141.222	286,39%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.353	107.874	651,58%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,60	1,57	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,39	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	60,03	59,22	
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,50	1,45	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,86	3,89	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,33	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		0,49	3,77	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%		0,41	3,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%		0,16	1,23	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%		0,97	5,94	

Tất cả các chỉ số tài chính đều thể tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) So sánh tình hình tài chính năm 2019 với công ty cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	DLG	QCG	Chênh lệch
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	8.776	11.427	-2.651
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.863	858	2.005
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	170	42	128
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-29	57	-86
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	141	99	42
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	107	81	26

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

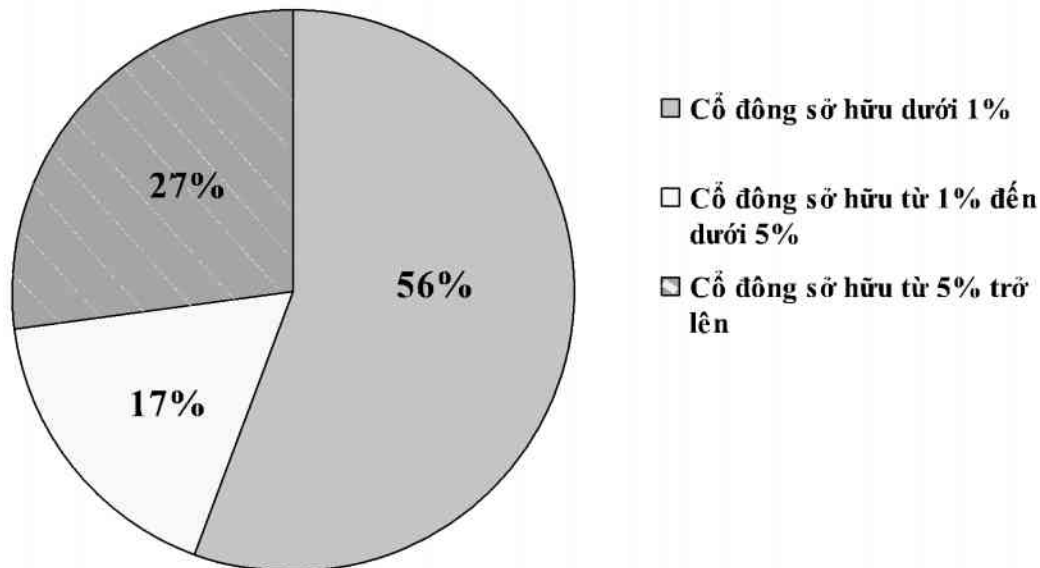
- + Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 27/5/2019

+ Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	277.405.527	92.68%
<i>Cá nhân</i>	<i>274.463.691</i>	<i>91,7%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>2.941.836</i>	<i>0,98%</i>
Cổ đông nước ngoài	21.904.193	7,32%
<i>Cá nhân</i>	<i>644.349</i>	<i>0,22%</i>
<i>Tổ chức</i>	<i>21.259.844</i>	<i>7,1%</i>
Tổng	299.309.720	100%

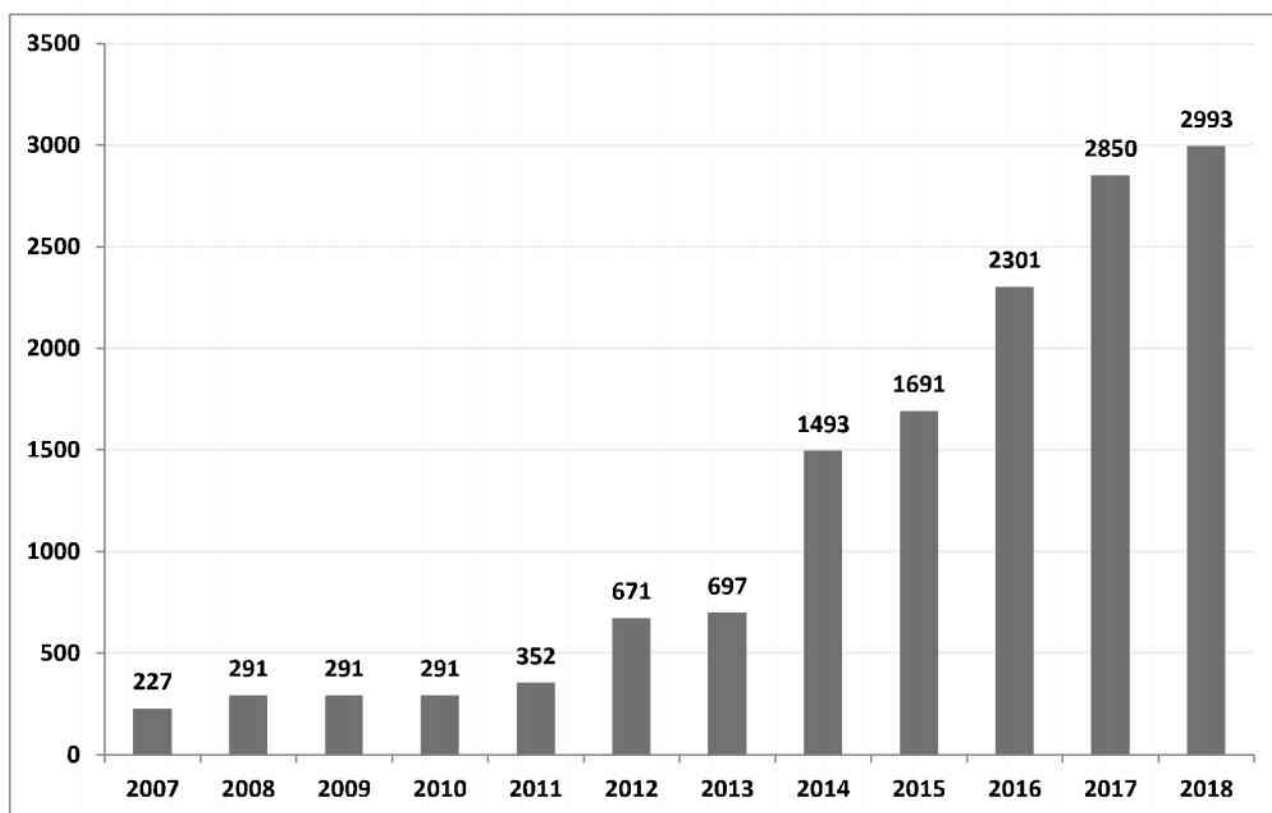
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



+ Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	64.226.523	21,46%
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	C/O PYN RAHASTOYHTIO OY, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	17.658.567	5,9%

+ **QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2019 (TỶ ĐỒNG)**



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2019 (TỶ ĐỒNG)

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm 2019, Đức Long Gia Lai không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e) *Các chứng khoán khác:* Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty lĩnh kiện điện tử, năng lượng tái tạo, BOT và cơ sở hạ tầng.

- **Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc. Trong năm, Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắc khe về môi trường ở các nước sở tại.
- **Lĩnh vực năng lượng:** Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời và điện gió). Phát triển năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
- **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:
 - + Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.
 - + Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị trí phát sinh tiếng ồn cao

Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng: Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- **Biện pháp quản lý**
 - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.
 - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.
 - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.
- **Biện pháp kỹ thuật**
 - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.
 - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.
 - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.
- **Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải**
 - + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.
 - + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.
 - + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.
- **Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải**
 - + Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
 - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
 - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

Trong năm 2019, Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại Gia Lai và các tỉnh thành khác trong cả nước, trong đó đã ủng hộ Quỹ vì

người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền là 1 tỷ đồng.

6.3. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà ĐLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, trong đó có việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngoài nỗ lực của Chính phủ còn cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. ĐLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong khi nền kinh tế thế giới năm 2019 gặp phải muôn vàn khó khăn, kinh tế Việt Nam vẫn chứng tỏ sức hút của thị trường mới hội nhập và tiềm năng lớn lao của một nền kinh tế trẻ năng động với nhiều thành tựu và kỷ lục mới đáng nể, qua đó, góp phần tạo triển vọng cho đà phát triển tích cực trong năm 2020 tới đây. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khi thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019 đạt trên 7%, thuộc top các nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực và cả thế giới. Lạm phát thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Bên cạnh mức tăng trưởng GDP cao, nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn duy trì sự ổn định. Dù còn nhiều yếu tố, nguyên nhân gây tăng chỉ số lạm phát như tăng giá tiêu dùng đối với một số mặt hàng thực phẩm, dịch vụ ăn uống, đồ uống, dịch vụ giao thông công cộng, du lịch, giá nhiên liệu, giá dịch vụ y tế, chi phí lao động hay đơn cử là giá thịt lợn tăng cao trong những tháng cuối năm 2019, tuy nhiên, Việt Nam vẫn có thể đảm bảo chỉ số giá tiêu dùng cũng như mức lạm phát cả năm nằm trong tầm kiểm soát.

- Đối với lĩnh vực thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2019 lần đầu tiên đạt mức 500 tỷ USD. Đây là mức kỷ lục trong khi nhiều quốc gia ở khu vực và trên thế giới không thể duy trì thế mạnh, suy giảm về xuất nhập khẩu, thì Việt Nam năm thứ tư liên tiếp là nước xuất siêu. Việt Nam còn gây bất ngờ khi có thứ bậc xếp hạng rất cao về thu hút đầu tư theo một Tạp chí của Mỹ bình chọn. Nền kinh tế Việt Nam như “thỏi nam châm”, tiếp tục thu hút đầu tư kỷ lục đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn FDI. Đặc biệt, có những doanh nghiệp Việt Nam đã hướng tới đột phá trong sản xuất công nghiệp và công nghệ với những dự án đầy tham vọng với hy vọng vươn ra thị trường quốc tế.

- Nền kinh tế Việt Nam nhiều khả năng sẽ tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhờ nhu cầu nội địa được duy trì, điều kiện kinh doanh được cải thiện, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.

- Bên cạnh sự phát triển đầy triển vọng, vẫn tiềm ẩn những rủi ro đang tích tụ. Trong bối cảnh thương mại Việt Nam có độ mở cao, dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ còn hạn chế, Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động bên ngoài. Dịch bệnh Covid-19 có thể khiến tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể sẽ xuống dưới mức 2,5%, mức được xem là ngưỡng suy thoái với kinh tế thế giới. Dịch bệnh khiến giá dầu lao dốc, nợ công tăng dần, các công ty đối đầu với nhiều khó khăn: nguyên liệu sản xuất, khách hàng, ... Căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài. Trong nước, cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng chậm lại có thể ảnh hưởng đến viễn cảnh tăng trưởng và gia tăng các nghĩa vụ cho khu vực công.

- Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ĐLGL) không phải là ngoại lệ.

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, ĐLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

+ **Thuận lợi:**

✓ Trong năm 2019, nền kinh tế tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhờ nhu cầu nội địa được duy trì, điều kiện kinh doanh được cải thiện, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.

✓ Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự

minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Có mục tiêu, chiến lược phát triển đúng đắn do HĐQT đề ra, được các kỳ Đại hội cổ đông thông qua, là cơ sở cho việc định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

+ **Những khó khăn, thách thức:**

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

✓ Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của ĐLGL, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- **Hoạt động đầu tư:**

Năm 2019, được đánh giá là năm thành công trong hoạt động đầu tư của Đức Long Gia Lai.

+ Đức Long Gia Lai đang làm việc với Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh để hoàn tất thủ tục trình UBND thành phố Hồ Chí Minh xem xét chủ trương đầu tư Dự án đầu tư đường Tam Tân và nút xoay cầu An Hạ bằng hình thức BT, đổi đất lấy hạ tầng;

+ Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện các thủ tục xin chủ trương đầu tư, thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng dự án điện mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận và các dự án điện gió công suất 153 MW và dự án điện mặt trời công suất 800 MW tại tỉnh Gia Lai;

+ Đức Long Gia Lai triển khai xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng; và các dự án thủy điện nhỏ và vừa khác tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Kon Tum.

+ Kết quả đạt được của các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư 2019 một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT trong việc lựa chọn đầu tư các lĩnh vực đầu tư trọng điểm, thúc đẩy mạnh mẽ việc tái cấu trúc và nhất là

trong công tác chỉ đạo, điều hành ở từng thời điểm cụ thể. Các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đều đánh giá cao nỗ lực của HĐQT và Ban lãnh đạo ĐLGL, sẵn sàng song hành cùng Đức Long Gia Lai trong những chặng đường sắp tới. Với những nền tảng đạt được trong năm 2019, bước sang năm 2020, ĐLGL khẳng định sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra, đáp ứng sự kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư.

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản*

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng 2019 so với 2018	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.632	135.710	56.078	70,42%
Đầu tư ngắn hạn	264.000	264.000	0	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.950.478	3.251.947	301.469	10,22%
Hàng tồn kho	745.032	465.248	-279.784	-37,55%
Tài sản ngắn hạn khác	22.533	15.612	-6.921	-30,71%
Tổng tài sản ngắn hạn	4.061.676	4.132.517	70.841	1,74%
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	801.838	881.827	79.989	9,98%
Tài sản cố định	2.992.447	2.894.521	-97.926	-3,27%
Bất động sản đầu tư	103.350	113.996	10.646	10,30%
Tài sản dở dang dài hạn	405.373	479.505	74.132	18,29%
Các khoản đầu tư dài hạn	28.449	7.041	-21.408	-75,25%
Tài sản dài hạn khác	319.125	266.651	-52.474	-16,44%
Tổng tài sản dài hạn	4.650.582	4.643.541	-7.041	-0,15%
Tổng tài sản	8.712.258	8.776.059	63.801	0,73%

b) *Tình hình nợ phải trả*

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng 2019 so với 2018	% tăng giảm
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	2.531.881	2.629.759	97.878	3,87%
Nợ dài hạn	2.698.222	2.567.386	-130.836	-4,85%
Tổng nợ	5.230.103	5.197.145	-32.958	-0,63%
Vốn chủ sở hữu				
Vốn chủ sở hữu	3.482.323	3.578.914	96.591	2,77%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.993.097	2.993.097	0	0,00%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	33.873	42.003	8.130	24,00%
Tổng nguồn vốn	8.712.258	8.776.059	63.801	0,73%

- Một số yếu tố khác:

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- **Công tác quản trị:** Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

+ Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

+ Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GD&ĐT thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;

+ Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- **Công tác nhân sự - lao động:**

+ Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGĐ, KTT, các Cty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

+ Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

+ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

+ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày QTPN 08/3, giỗ tổ Hùng Vương 10/03 ÂL, Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, Quốc khánh 2/9, Ngày PNVN 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp Ngày QTTN 01/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn ...

- **Thi đua khen thưởng:**

+ Năm qua Tập đoàn đã nhận bằng khen từ Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” năm 2019 trên địa bàn tỉnh này; tập thể Tập đoàn và cá nhân Chủ tịch HĐQT được tặng nhiều bằng khen của các bộ, ngành Trung ương.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với chúng ta. Ở trong nước, nền kinh tế còn nhiều tồn tại, yếu kém. Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ ngày càng hạn hẹp. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực trọng yếu đòi hỏi nguồn lực và thời gian thực hiện. Nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia và ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn trong khi nguồn lực còn hạn hẹp.

Trên cơ sở đánh giá tình hình SXKD năm 2019, theo dõi dự báo và nhận định tình hình nền kinh tế trong nước và thế giới, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các năm tiếp theo, thông qua Đại hội cổ đông kỳ này, như sau:

- **Mục tiêu, định hướng:** Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của Đức Long Gia Lai trong năm 2020 và các năm tiếp theo, là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Cơ sở hạ tầng; Năng lượng tái tạo và Sản xuất linh kiện điện tử. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả.

- **Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2020:**

CHỈ TIÊU	2020
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	80

- **Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2020:**

+ Đẩy mạnh tiến độ thi công các Dự án: Dự án thủy điện Tân Thượng, các dự án thủy điện khác trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; Dự án khách sạn Đức Long Gia Lai 1,... để góp phần tăng doanh thu của ĐLGL trong năm 2020 và những năm tiếp theo;

+ Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được các cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Dự án mở rộng đường Tam Tân và nút xoay An Hạ; Dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Dự án Khu công nghiệp Long Sơn, Các dự án bất động sản và bất động sản nghỉ dưỡng ở Tp. Hồ Chí

Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận; các dự án điện gió và điện mặt trời tại Gia Lai, Bình Thuận, Ninh Thuận. Ngoài ra, ĐLGL sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại địa bàn các tỉnh, thành phố để phục vụ cho mục tiêu, định hướng chiến lược đã đề ra;

+ Mở rộng đầu tư các Nhà máy sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng; đưa vào sản xuất smart tivi phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa

+ Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc quản lý chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận;

+ Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ song song với công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh ĐLGL ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại. Làm tốt công tác công bố thông tin đúng quy định hiện hành;

+ Chủ động cân đối nguồn vốn hiện có của đơn vị thông qua việc tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ phải thu hiệu quả, giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi có thể phát sinh.

+ Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, các định chế tài chính và khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

+ Trong công tác quản lý, điều hành: Bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.

+ Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ĐLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Về an sinh xã hội: Trong năm qua, ĐLGL đã đóng góp tích cực vào công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao của tỉnh nhà. Tham gia là nhà tài trợ chính cho các chương trình nghệ thuật, văn hóa phục vụ cộng đồng của tỉnh nhà; thăm và tặng quà cho gia đình nghèo và người khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai;... Với những đóng góp trong công tác thiện nguyện thời gian qua, Tập đoàn Đức Long Gia Lai vinh dự được Hội chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai trao tặng Bằng khen “Tấm lòng vàng nhân đạo”.

- Về công tác bảo vệ môi trường: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên ĐLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

+ ĐLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

+ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2019 đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, có chỉ tiêu cao hơn Quốc hội giao. Trong năm qua, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng GDP năm 2019 đạt 7,02%, kể từ năm 2011 đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7%.

Về cơ cấu kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP. Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; dịch vụ chiếm 41,64%. Bình quân năm 2019, CPI chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua.

Tuy nhiên, cơ hội luôn đi song hành với thử thách, cả nước vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, năng suất lao động chưa cao; một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng thấp; tình hình sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn, nhiều cơ chế chính sách còn bất cập; nhiều doanh nghiệp mới được thành lập nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực rườm rà, phức tạp,...

Trong bối cảnh đó, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả; mặt khác, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế.

Chủ trương đúng đắn đó đã được thể hiện qua những kết quả mà Đức Long Gia Lai đã phấn đấu đạt được trong năm 2019, như sau:

1.1 Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh:

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty đã được triển khai thông suốt, đem lại hiệu quả khá tốt, tập trung vào các lĩnh vực: Lĩnh vực điện tử, xây dựng dân dụng, chế biến gỗ, đá, bất động sản, kinh doanh thương mại - dịch vụ... Hàng hóa, sản phẩm của Đức Long Gia Lai luôn được đánh giá cao về mẫu mã, chất lượng, giá cả hợp lý.

Kết thúc năm tài chính 2019, tổng mức lợi nhuận sau thuế 107,8 tỷ đồng, tăng 651,58% so với năm trước và đạt 89,83% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra.

1.2. Công tác đầu tư:

Năm 2019, đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng đối với Đức Long Gia Lai, đó là:

- Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện việc xây dựng nhà máy thủy điện Tân Thượng tại Lâm Đồng với công suất 22MW, tổng mức đầu tư 765 tỷ đồng. Đức Long Gia Lai đã được UBND các tỉnh đồng ý cho lập dự án đầu tư và đề xuất bổ sung quy hoạch các dự án điện năng lượng mặt trời Thuận Nam Đức Long tại Ninh Thuận, đề xuất bổ sung quy hoạch các Dự án điện năng lượng mặt trời Vĩnh Hảo 9 tại tỉnh Bình Thuận; các dự án thủy điện trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ...;

- Về lĩnh vực đầu tư khách sạn - nghỉ dưỡng: Hàng loạt các khách sạn, khu nghỉ dưỡng được khởi động quyết liệt: thi công Khách sạn 04 sao Đức Long Gia Lai; đang lập thủ tục đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Papaya Bay Resort tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Dự án BĐS nghỉ dưỡng cao cấp tại xã Hòa Thắng và Hòa Phú tỉnh Bình Thuận.

- Lập thủ tục phát triển đầu tư các dự án bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Về công tác đối ngoại:

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

1.4. Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bên cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3. Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

3.1- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đã miễn nhiệm 03 ông Đào Đức Hạnh, Nguyễn Trung Kiên, Phạm Anh Hùng và tiến hành bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT mới: Ông Trần Cao Châu, ông Nguyễn Hồng Sơn và ông Lê Đức Kỳ. Hiện tại, HĐQT Công ty có 07 thành viên, gồm các Ông: Bùi Pháp, Trần Cao Châu, Nguyễn Hồng Sơn, Lê Đức Kỳ, Đoàn Nguyên Tiêu, ông Jaegyun Kim và ông Paul Anthony Murphy, trong đó số lượng thành viên độc lập HĐQT là 2 người.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. HĐQT đã ban hành 21 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, các thành viên HĐQT tự nguyện không nhận thù lao do không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận.

3.2- Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện việc thay đổi mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành nhằm tăng cường hiệu quả trong giải quyết công việc. Về công tác tổ chức, từ tháng 9/2020, Đức Long Gia Lai đã bổ nhiệm ông Trần Cao Châu làm Tổng Giám đốc thay thế cho ông Nguyễn Trung Kiên, bổ nhiệm ông Đỗ Thành Nhân làm trưởng phòng tài chính kế toán thay cho ông Trần Cao Châu. Việc thay đổi các nhân sự mới trên đây không nằm ngoài mục đích tăng cường các nhân sự có chất lượng cao vào bộ máy quản trị điều hành nhằm đổi mới quản lý, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược phát triển ngày càng mạnh mẽ và đi vào chiều sâu đã được các kỳ Đại hội cổ đông của Đức Long Gia Lai đề ra.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc trước và sau khi được củng cố đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường và chỉ đạo một cách sát sao, quyết liệt Ban Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3.3- Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

4.1- Đúc Long Gia Lai trung thành với chiến lược tái cấu trúc các ngành nghề đã được đề ra tại các kỳ đại hội trước đây, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: **“Đổi mới - Phát triển - Chia sẻ - Đoàn kết - Tôn chỉ pháp luật”**; với mục tiêu: **“Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư đa ngành mạnh hàng đầu của Việt nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành công trong nước và quốc tế”**.

4.2- Định hướng của Đúc Long Gia Lai trong thời gian đến sẽ tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT và PPP; Đầu tư năng lượng tái tạo (Điện gió và điện mặt trời); Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử; đồng thời sẽ

đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống hiện đang đem lại hiệu quả.

Định hướng phát triển các ngành nghề như sau:

- **Về cơ sở hạ tầng:** Trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được các cơ quan chức năng phê duyệt, Đức Long Gia Lai sẽ triển khai đầu tư các dự án có quy mô lớn về cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP), gồm: Hợp đồng BT, đối đất lấy hạ tầng Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại thành phố Hồ Chí Minh, Dự án BOT đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Khu công nghiệp Long Sơn tại TP. Vũng Tàu. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục đầu tư về hạ tầng các dự án giao thông đường bộ, sân bay, cảng biển... trong cả nước bằng các hình thức BOT và BT;

- **Về năng lượng:** Việc bảo đảm năng lượng quốc gia, nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới là hết sức cấp thiết. Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Năm bắt cơ hội, Đức Long Gia Lai đang tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Ngoài các dự án thủy điện đã và đang đầu tư, Đức Long Gia Lai đang hoàn thiện thủ tục để đầu tư nhiều Dự án thủy điện tiếp theo trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Tổng công suất các Nhà máy thủy điện tại Tây Nguyên dự kiến gần 250 KW. Hướng ứng cơ chế khuyến khích phát triển các dự án mặt trời tại Việt Nam theo Quyết định số 11/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Đức Long Gia Lai đã đề xuất và được các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận chấp thuận cho nghiên cứu, bổ sung quy hoạch và đầu tư các dự án năng lượng mặt trời. Dự kiến Đức Long Gia Lai sẽ đầu tư vào lĩnh vực năng lượng điện gió và điện mặt trời với tổng công suất khoảng 1.000 MW trong vòng 5 - 10 năm tới;

- **Đối với ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử:** Đức Long Gia Lai tập trung đầu tư chuyên sâu sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại các Nhà máy Ansen tại thành phố Đông Quan, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, Nhà máy DLG - HANBIT tại Seoul - Hàn Quốc, nhà máy điện tử tại Khu Công nghệ cao - Quận 9, TP.HCM. Đầu tư Nhà máy điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tái cấu trúc nhân sự và tài chính, đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, tổ chức liên doanh liên kết, mở rộng thị trường để sản xuất các sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử và smart tivi tiêu thụ tại các thị trường: Mỹ, Hàn Quốc, Nhật bản và Châu Âu nhằm gia tăng doanh thu và lợi nhuận;

Ngoài các lĩnh vực chiến lược trên, Tập đoàn ĐLGL còn tập trung đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực bất động sản, nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống, gồm:

- **Về bất động sản nghỉ dưỡng:** nắm bắt chủ trương khuyến khích đầu tư vào kinh tế biển theo Nghị quyết của Chính phủ, Đức Long Gia Lai sẽ tập trung đầu tư vào các dự án khách sạn và khu du lịch nghỉ dưỡng ở ven biển thuộc các tỉnh, thành phố: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Phú Quốc... trong vòng 05 năm tới;

- **Về nông nghiệp:** Đức Long Gia Lai đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng chú trọng nông nghiệp hữu cơ, áp dụng công nghệ cao trên một số diện tích trồng chè và cà phê, hình thành nên một chuỗi khép kín các khâu, từ trồng - chế biến - xuất khẩu;

- **Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống:** (Chế biến sản phẩm đồ gỗ, Bến xe bãi đỗ, Dịch vụ vệ sỹ và yếu nhân, Khai thác và chế biến khoáng sản...): Đầu tư chuyên sâu, đổi mới trang thiết bị và nhân lực để đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành, giữ được thị trường, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận ổn định;

4.3- Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư:

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,9%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 khi mà các thị trường bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính. Bước sang năm 2020, hầu hết các ngành, lĩnh vực, và doanh nghiệp của Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Dịch Covid-19 lan ra nhiều nước, trong đó có những nước là địa bàn thị trường truyền thống và là đối tác quan trọng của Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước châu Âu. Dịch bệnh cũng đã ảnh hưởng đến một số ngành của Việt Nam như điện tử, may mặc, giày da, cơ khí và thiếu hụt nguồn lao động; làm gián đoạn chuỗi cung ứng hay vận chuyển hành khách, giáo dục, du lịch.

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư của Đức Long Gia Lai năm 2019, dự báo tình hình kinh tế trong nước thời gian đến, HĐQT Đức Long Gia Lai đưa ra các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2020, như sau: (ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	2020
- Doanh thu (tỷ đồng)	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	80

4.4- Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động nâng cao năng lực điều hành, có kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác kiểm soát nội bộ, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng hiệu quả đồng vốn.

- Chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Thực hiện việc tinh giản và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV của Đức Long Gia Lai. Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã nhiều

năm kinh nghiệm, gắn bó với Đức Long Gia Lai, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài.

- Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao phó.

- Chủ động, linh hoạt trong việc thích ứng với rủi ro để giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh xuống mức thấp nhất, thực hiện các phương án giảm giờ làm của cán bộ nhân viên để giảm chi phí tiền lương, chi phí quản lý; đồng thời đề nghị ngân hàng, các cơ quan chức năng tháo gỡ, hỗ trợ doanh nghiệp: Xin miễn giảm lãi suất ngân hàng, xin giãn thời gian nộp thuế, tạm hoãn đóng quỹ hưu trí và tử tuất thuộc chế độ BHXH, ...

Với thương hiệu, năng lực tài chính và kinh nghiệm quản trị điều hành, cùng nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được triển khai là nhân tố hết sức thuận lợi cho Đức Long Gia Lai thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình. Đức Long Gia Lai bước vào năm mới 2020 với thông điệp hành động **“ĐỔI MỚI HỘI NHẬP - HÀNH ĐỘNG QUYẾT LIỆT - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**, giữ vững phương châm xuyên suốt: **“ĐỨC LONG - ĐI LÀ ĐẾN”**, kiên định mục tiêu chiến lược giai đoạn 2020 - 2023, liên tục tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	74.226.523	24,8%	- Chủ tịch HĐQT tại 05 công ty khác. - Chủ tịch HĐQT tại 02 công ty khác.
2.	Trần Cao Châu	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	525.000	0,18%	Chủ tịch HĐQT tại 01 công ty khác.

3.	Nguyễn Hồng Sơn	TV độc lập HĐQT	0	0%	Thành viên HĐQT tại 01 công ty khác.
4.	Đoàn Nguyên Tiêu	TV HĐQT	0	0	- Thành viên HĐQT tại 1 công ty khác.
5.	Lê Đức Kỳ	TV độc lập HĐQT	830.000	0,28%	-
6.	Jaegyun Kim	TV HĐQT	0	0	-
7.	Paul Anthony Murphy	TV HĐQT	0	0	-

- **Ông Bùi Pháp**

- + Năm sinh: 1962
- + Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
 - ✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Trần Cao Châu**

- + Năm sinh: 1971
- + Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1992 – 1997 : Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 1997 – 2001 : Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
 - ✓ Từ năm 2001 – năm 2002 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang

I TP HCM – CN Gia Lai;

✓ Từ năm 2002 – 2006 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;

✓ Từ năm 2006 – 2013 : Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;

✓ Từ năm 2013 – 2016 : Kinh doanh tư nhân;

✓ Từ 4/2016 – 4/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;

✓ Từ năm 2016 – 5/2017 : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

✓ Từ 5/2017 – 3/2018 : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ Từ 4/2018 – 02/9/2019 : Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ Từ 6/2019 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ Từ 03/9/2019 – nay : Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Nguyễn Hồng Sơn**

+ Năm sinh: 1965

+ Trình độ: Cử nhân kinh tế

+ Quá trình công tác:

✓ Từ 1989 đến 1997: Công tác tại CA tỉnh Thừa Thiên Huế

✓ Từ 1997 đến 2018: Chuyển ngành qua làm kinh tế tại Đà Nẵng, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP Thạch Bàn Miền Trung, điều hành kinh doanh gạch Thạch Bàn của 17 tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên.

✓ Từ 6/2019 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Đoàn Nguyên Tiêu**

+ Năm sinh: 1976

+ Trình độ: Tiến sỹ kinh tế

- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 01/2002 -5/2006: Giáo sư trợ giảng City University of New York
 - ✓ Từ 06/2006-08/2008: Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.
 - ✓ Từ 06/2008 – 02/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp
 - ✓ Từ 08/2009 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc.
 - ✓ Từ tháng 11/2014 - nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Lê Đức Kỳ**

- + Năm sinh: 1959
- + Trình độ: Thạc sỹ Luật
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1977 – 2014: Lực lượng vũ trang công an nhân dân
 - ✓ Từ 2014 – 6/2019: Nghỉ hưu theo chế độ
 - ✓ Từ 6/2019 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Jaegyun Kim**

- + Năm sinh: 1963
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 04/1997 - 05/2000: Tổng Giám đốc Nhóm hoạt động tài khoản riêng của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ SK
 - ✓ 02/2003 - 07/2005: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Saehan IT
 - ✓ 04/2010 - 03/2014: Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Điện Tử Sejin
 - ✓ 04/2011 - 11/2014: Giám đốc điều hành và Chủ tịch tại Công ty Điện tử Hanbit (công ty con của Sejin Electron)
 - ✓ 07/2012 - 01/2014: Giám đốc điều hành và Phó Chủ Tịch cấp cao tại Công ty TNHH Mercury Asset Plus (công ty con của Sejin Electron)

- ✓ 07/2016 – nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty điện tử DLG Hanbit
- ✓ 6/2018 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Làm việc với tư cách là chuyên gia của nhiều vị trí trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính và Điện tử hơn 27 năm.

- **Ông Paul Anthony Murphy**

- + Năm sinh: 1957
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1991 – 2001: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech
 - ✓ 2001 – 2004: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite
 - ✓ 2004 – 2006: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT
 - ✓ 2007 – 2008: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone
 - ✓ 2008 – 2011: Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics
 - ✓ 2011 - 2014: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen
 - ✓ 2016 - nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen
 - ✓ 6/2018 – nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu. Cụ thể:

- + Chánh văn phòng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.
- + Ông Lê Đức Kỳ - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty.
- + Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền và nghiệp vụ. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận các năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2019:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	29/04/2017	-	16/16	100%	-
2	Đoàn Nguyên Tiêu	Thành viên	27/11/2014	29/04/2017	-	16/16	100%	-
3	Jaegyun Kim	Thành viên	23/6/2018	-	-	8/16	50%	Công tác xa, ủy quyền cho HĐQT thường trực.
4	Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	-	-	8/16	50%	Công tác xa, ủy quyền cho HĐQT thường trực.
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	25/05/2013	29/04/2017	29/6/2019	6/16	37,5%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 019 ngày 29/6/2019
6	Phạm Anh Hùng	Thành viên	25/05/2013	29/04/2017	29/6/2019	6/16	37,5%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 019 ngày 29/6/2019

7	Đào Đức Hạnh	Thành viên	23/6/2018	-	29/12/2018	0/16	0%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Đơn từ nhiệm, đã được ĐHĐCĐ TN năm 2019 thông qua.
8	Trần Cao Châu	Thành viên	29/6/2019	-	-	10/16	62,5%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 019 ngày 29/6/2019
9	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	29/6/2019	-	-	10/16	62,5%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 019 ngày 29/6/2019
10	Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/6/2019	-	-	10/16	62,5%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2 019 ngày 29/6/2019

Tổng kết tình hình ban hành các Quyết định HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/01/2019	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan
2	01A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/01/2019	Về việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018, thảo luận phương hướng hoạt động năm 2019.
3	01B/QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/01/2019	Về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	02/QĐ-HĐQT-ĐLGL	28/3/2019	Về việc xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
5	02B/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/04/2019	Về việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng
6	03/QĐ-HĐQT-ĐLGL	07/5/2019	Bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
7	05/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/5/2019	Về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
8	06/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/6/2019	Về việc thông qua hồ sơ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
9	07/QĐ-HĐQT-ĐLGL	01/7/2019	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, thành lập Hội đồng thường trực của HĐQT và việc các thành viên HĐQT: Ông Paul Anthony Murphy và Ông Jaegyun Kim ủy quyền cho Hội đồng thường trực của HĐQT ký, ban hành các quyết định của HĐQT
10	08/QĐ/HĐQT	31/7/2019	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Quý II/2019, triển khai kế hoạch các tháng cuối 2019
11	09/QĐ-HĐQT-ĐLGL	31/7/2019	Về việc triển khai thực hiện thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2015
12	11/QĐ-HĐQT-ĐLGL	23/8/2019	Về việc giải thể chi nhánh Công ty CP chế biến gỗ Đức Long Gia Lai tại Đà Nẵng
13	12/QĐ-HĐQT-ĐLGL	26/8/2019	Về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên
14	13/QĐ-HĐQT-ĐLGL	03/9/2019	Về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Trung Kiên
15	14/QĐ-HĐQT-ĐLGL	03/9/2019	Về việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty đối với ông Trần Cao Châu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	15/QĐ-HĐQT	03/9/2019	Về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán đối với ông Đỗ Thành Nhân
17	19/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/9/2019	Về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận
18	20/QĐ-HĐQT-ĐLGL	26/9/2019	Về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đồng Phú Hưng
19	20A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/10/2019	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2019 và triển khai kế hoạch Quý IV/2019
20	21/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Về việc bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty
21	23/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/12/2019	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2019, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2020

d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	29/04/2017	03/03	0	0	-

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
2.	Võ Sỹ Việt	Thành viên BKS	29/4/2017	-	03/03	0	0	-
3.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	-	03/03	0	0	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp đánh giá tình hình hoạt động quý 1, và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo	19/4/2019	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 1 và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo năm 2019.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
2	Họp 6 tháng đầu năm 2019	10/7/2019	Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm, xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2019.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng cuối năm 2019	31/12/2019	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2020.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao được tốt hơn.

- + Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2019 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Tập đoàn.
- + Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.

- + Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- + Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, Nông Nghiệp, dịch vụ bến xe, bãi đỗ, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.
- + Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- + Hoạt động của HĐQT trong năm 2019 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.
- + HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.
- + HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2019, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.
- + Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.
- + Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

+ Tính đến thời điểm 31/12/2019, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2019, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

+ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch thực hiện năm 2020; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên năm 2019 theo đúng quy định.

+ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2019, đã thông qua lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS. Cụ thể như sau:

- Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

- + Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- + 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;
- + 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch
- Trong năm 2019, lương của Ban Tổng giám đốc là 659 triệu đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Trung Kiên	Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm ngày 03/9/2019)	2.111.058	0,71%	11.058	0,004%	- Tháng 1/2019, mua thêm 340.000 cổ phiếu; - Tháng 7/2019, bán 2.440.000 cổ phiếu.
2.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	64.726.523	21,46%	74.226.523	24,80%	Mua thêm cổ phiếu;

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quy chế quản trị Công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

VI. Báo cáo tài chính

Hiện tại, vì lý do bất khả kháng (ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19) nên công ty chúng tôi xin gia hạn, lùi thời gian nộp, công bố Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2019: đến ngày 15/5/2020 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo công văn số 2294/UBCK-GSĐC ngày 07/4/2020.

Vì vậy, Báo cáo thường niên này dựa trên cơ sở BCTC riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán.

1. Ý kiến kiểm toán

Chưa có

2. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán

Phụ lục đính kèm

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CAO CHÂU

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM: Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2019 chưa kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
90 Lê Duẩn, Phường Phú Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.132.517.959.104	4.061.675.893.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	135.709.894.555	79.631.825.874
1. Tiền	111		135.709.894.555	79.631.825.874
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		264.000.000.000	264.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	264.000.000.000	264.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.251.947.614.802	2.950.478.217.703
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	699.004.156.040	812.813.454.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	266.668.460.695	519.323.226.758
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10.a	1.567.692.492.302	1.413.060.631.595
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	773.350.524.321	239.001.937.928
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(54.768.018.556)	(33.721.032.685)
IV. Hàng tồn kho	140	13	465.248.389.718	745.032.164.249
1. Hàng tồn kho	141		498.739.648.028	766.308.887.273
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.491.258.310)	(21.276.723.024)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.612.060.029	22.533.685.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	622.741.976	441.520.431
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.930.952.623	20.772.483.509
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	1.058.365.430	1.319.681.507
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.643.541.018.421	4.650.582.071.111
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		881.826.733.809	801.837.827.417
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10.b	879.362.866.245	476.062.735.933
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	2.463.867.564	325.775.091.484
II. Tài sản cố định	220		2.894.521.465.456	2.992.446.912.133
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	2.819.377.122.114	2.914.850.260.682
- Nguyên giá	222		4.308.855.970.453	4.278.653.992.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.489.478.848.339)	(1.363.803.731.541)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	75.144.343.342	77.596.651.451
- Nguyên giá	228		248.123.715.620	217.496.610.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(172.979.372.278)	(139.899.959.408)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	113.995.914.518	103.350.161.477
- Nguyên giá	231		135.448.648.999	122.870.111.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.452.734.481)	(19.519.950.387)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		479.505.339.181	405.373.448.492
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	479.505.339.181	405.373.448.492
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.040.794.064	28.449.218.259
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	7.a	7.040.794.064	27.429.218.259
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.b	480.000.000	1.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.b	(480.000.000)	(480.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		266.650.771.393	319.124.503.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	51.830.544.381	53.452.796.141
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	18.701.078.493	19.181.859.219
3. Lợi thế thương mại	269	20	196.119.148.519	246.489.847.973
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.776.058.977.525	8.712.257.964.384

Thuyết minh kèm theo từ trang 5 đến trang 50 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.197.144.511.830	5.230.103.182.215
I. Nợ ngắn hạn	310		2.629.758.866.938	2.531.881.048.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	472.686.991.275	560.834.991.582
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	196.382.955.837	334.804.583.386
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	100.642.414.899	80.590.623.961
4. Phải trả người lao động	314		44.477.967.720	50.774.579.301
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	248.816.876.059	204.768.326.824
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	177.727.274	175.454.546
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26.a	368.418.952.205	256.344.239.759
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27.a	1.190.411.493.038	1.037.911.728.795
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	28	3.992.805.390	2.496.285.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.750.683.241	3.180.235.192
II. Nợ dài hạn	330		2.567.385.644.892	2.698.222.133.869
1. Phải trả dài hạn khác	337	26.b	368.804.178	4.390.768.297
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27.b	2.543.532.056.513	2.676.349.316.203
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29	23.484.784.201	17.482.049.369
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.578.914.465.695	3.482.154.782.169
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.578.026.287.417	3.482.322.728.891
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	30	50.510.908.328	50.510.908.328
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	30	7.058.721.591	16.564.571.254
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	30	6.196.436.959	6.196.436.959
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30	146.909.542.849	42.003.230.080
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.003.230.080	33.873.134.488
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.906.312.769	8.130.095.592
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	31	374.253.477.690	373.950.382.270
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		888.178.278	(167.946.722)
1. Nguồn kinh phí	431		888.178.278	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	(167.946.722)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		8.776.058.977.525	8.712.257.964.384



Trần Cao Châu

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhân

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thư

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019 Trước kiểm toán	Năm 2018 Sau kiểm toán
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	745.074.928.540	823.956.877.793	2.863.739.095.134	2.916.841.652.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	5.838.137	11.283.534.645	639.081.288	2.549.203.055
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		745.069.090.403	812.673.343.148	2.863.100.013.846	2.914.292.449.934
4. Giá vốn hàng bán	11	34	604.720.366.324	717.666.267.739	2.352.809.935.556	2.483.969.317.285
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		140.348.724.079	95.007.075.409	510.290.078.290	430.323.132.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	41.056.010.619	35.492.828.576	262.270.473.051	161.664.449.009
7. Chi phí tài chính	22	36	101.586.546.353	87.888.803.935	369.554.179.646	342.436.106.280
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.480.796.285	85.998.442.557	360.846.404.323	329.332.578.988
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		42.310.907	39.044.303	273.214	25.586.826
9. Chi phí bán hàng	25	37.a	6.631.554.528	310.502.392	35.616.746.485	27.430.234.006
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37.b	54.695.860.389	35.659.242.061	197.329.755.456	193.870.330.971
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.533.084.335	6.680.399.900	170.060.142.968	28.276.497.227
12. Thu nhập khác	31	38	1.554.840.024	1.846.194.828	3.306.876.891	24.085.705.731
13. Chi phí khác	32	39	3.372.848.814	8.029.583.674	32.145.515.040	15.813.223.139
14. Lợi nhuận khác	40		(1.818.008.790)	(6.183.388.846)	(28.838.638.149)	8.272.482.592
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.715.075.545	497.011.054	141.221.504.819	36.548.979.819
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.729.302.190	(1.213.162.023)	26.963.688.991	17.662.306.779
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.391.293.316	1.304.145.661	6.383.807.177	4.533.543.670
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.594.480.039	406.027.416	107.874.008.651	14.353.129.370
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.348.504.300	4.280.324.949	104.906.312.389	8.169.856.720
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.245.975.739	(3.874.297.533)	2.967.696.262	6.183.272.650
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	35	14	351	27
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	40	35	14	351	27



Trần Cao Châu

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhân

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
		Trước kiểm toán VND	Sau kiểm toán VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	141.221.504.819	36.548.979.819
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	220.997.734.894	166.373.639.306
- Các khoản dự phòng	03	34.566.654.811	14.962.655.158
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.515.413.304	10.563.566.670
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(256.978.954.393)	(154.455.265.572)
- Chi phí lãi vay	06	360.846.404.323	329.332.578.988
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	503.168.757.758	403.326.154.369
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(219.840.561.262)	201.784.469.129
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	171.858.783.376	(138.007.901.651)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11	110.693.735.015	55.998.152.955
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.759.128.309	(961.039.260)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	18.423.265.980
- Tiền lãi vay đã trả	14	(175.054.363.714)	(292.717.575.808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.250.048.818)	(32.298.601.365)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.056.125.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	570.448.049	(667.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	388.962.003.713	214.879.024.349
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(172.837.912.679)	(173.354.857.572)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	40.189.539.058	32.042.027.045
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.204.123.097.441)	(791.999.817.636)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	495.991.217.265	799.633.474.262
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(109.000.000)	(317.761.517.126)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	291.630.705.315	7.983.534.298
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.050.381.350	68.957.260.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(433.208.167.132)	(374.499.895.751)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	10.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	487.313.562.730	1.499.104.629.384
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(379.492.644.661)	(1.632.733.179.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	107.820.918.069	(133.618.550.610)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	63.574.754.650	(293.239.422.012)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	79.631.825.874	373.765.558.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.496.685.969)	(894.310.826)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	135.709.894.555	79.631.825.874



Trần Cao Châu
Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Kế toán trưởng
Trần Cao Châu
Đỗ Thành Nhân

Người lập biểu
Nguyễn Khoa Diệu Thu
Nguyễn Khoa Diệu Thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900415863 ngày 13/06/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 32 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/09/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 22/06/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất thành phẩm từ gỗ, sản xuất sản phẩm nông nghiệp (bắp, đậu nành, cà phê, chè...), khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn, ...), sản xuất hàng điện tử gia dụng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT));
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác;
- Quảng cáo;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Casting và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mù cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm; Mua bán phân bón; Bán buôn nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng);
- Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị dụng cụ cầm tay; Mua bán hàng gốm sứ, thủy tinh, sơn kính và chất dẻo phủ công nghiệp; Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm);
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng cây chè;
- Trồng cây hồ tiêu;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu chè, cà phê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc tập đoàn

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 10 Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 09 công ty)

1. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- o Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 70,6%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 70,6%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị Trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- o Vốn điều lệ: 270.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,49%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

3. Công ty Cổ phần Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành Phố Đà Nẵng (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng)

- o Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống; Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- o Vốn điều lệ: 75.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

4. Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 211 Thôn Phú Hà, Xã IaBlứ, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây lấy hạt chứa dầu; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây cao su; Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản (trừ mù cao su); Bán buôn trâu, bò); Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mù cốm, mua bán phân bón); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản.
- o Vốn điều lệ: 360.500.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,80%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,86%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thượng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 18 Hà Huy Tập, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Đầu tư xây dựng công trình thủy điện lớn, vừa và nhỏ; Xây dựng công trình thủy công; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp); Xây dựng công trình công ích (Xây dựng công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu); Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện); Chuẩn bị mặt bằng (Khoan phụt, xử lý và gia công nền móng công trình xây dựng).
- o Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 88%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 88%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Tình trạng hoạt động: Đang giai đoạn đầu tư.

6. Công ty TNHH Mass Noble Investments

- o Địa chỉ trụ sở chính: Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình tại Hoa Kỳ và Châu Âu.
- o Vốn điều lệ: 320.062.401.456 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,73%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- o Vốn điều lệ: 601.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 84,03%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 84,03%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

8. Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: 97 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán nông sản; Trồng cây cà phê; Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp.
- o Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

9. Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ

- o Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Pawh, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê; Trồng cây cà phê; Chế biến chè, cà phê; Mua bán hàng nông sản; Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật.
- o Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng.
- o Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

10. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Phú Hưng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- o Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.
- o Tình trạng hoạt động: Công ty mẹ đã thoái 51% vốn góp vào ngày 10/04/2019.

Các Công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gồm 3 công ty):

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- o Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 20,00%.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất); Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán kim loại); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Khai thác quặng sắt.
- o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 33,33%.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,33%.
- o Tình trạng hoạt động: Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào ngày 26/08/2019.

3. Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên

- o Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- o Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2018 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

4. Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- o Vốn điều lệ: 2.280.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 40,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

5. Công ty Cổ phần Điện Mặt trời DLG Ninh Thuận

- o Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Triệu Quang Phục, Phường Mỹ Hải, TP Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- o Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%.
- o Tình trạng hoạt động: Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần vào ngày 18/09/2019.

6. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đồng Phú Hưng

- o Địa chỉ trụ sở chính: 149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- o Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- o Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.
- o Tỷ lệ quyền biểu quyết: 47,79%.
- o Tình trạng hoạt động: Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào ngày 26/09/2019.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 30 tháng 09 năm 2019 (bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/09/2019).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi số kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Tập đoàn bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tập đoàn nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được tập hợp cho từng sản phẩm, công trình.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Riêng khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án BOT được thực hiện theo Công văn số 6092/BTC-TCDN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính về việc “Khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với tài sản cố định hình thành từ dự án BOT”. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 50
Máy móc, thiết bị	4 – 20
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7
Cây lâu năm	6 - 20
Tài sản khác (Dự án BOT)	Theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu
Tài sản cố định khác	8 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	7
Chi phí triển khai	4
Quan hệ khách hàng khế ước	10

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50

4.10 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là:

- Chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Chi phí xây lắp công trình được xác định theo các giá trị khối lượng đã xác nhận hoàn thành với nhà cung cấp nhưng chưa xuất được hóa đơn tài chính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.15 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Tập đoàn phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Tập đoàn do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Tập đoàn là khoản nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, được phân bổ theo số kỳ mà Tập đoàn đã nhận tiền trước.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận và có phiếu giá thanh toán.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.23 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.24 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.25 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Tập đoàn đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp: Không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,...: Áp dụng thuế suất 10%;
 - ✓ Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt Nam với mức thuế suất là 20%.

Riêng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con ở nước ngoài thì áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với các công ty được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Virgin Islands thuộc Anh.
 - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Hồng Kông là 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.
 - ✓ Đối với các Công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất là 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.
 - ✓ Đối với Công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	17.047.827.227	22.361.688.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.662.067.328	57.270.137.874
Cộng	135.709.894.555	79.631.825.874

6. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Đức Long Gia Lai	264.000.000.000	-	264.000.000.000	-
Cộng	264.000.000.000	-	264.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019			01/01/2019	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Đang hoạt động	20,0%	5.922	7.040.794,064	7.037.097,093
Công ty TNHH Cung ứng VI Nguyên liệu Tây Nguyên	Đang hoạt động	-	-	-	19.808.121,166
Công ty Cổ phần Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Đang hoạt động	-	-	-	584.000,000
Cộng				7.040.794,064	27.429.218,259

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
 90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Công cộng ĐL Bảo Lộc	Đang hoạt động	7,20%	48.000	480.000.000	(480.000.000)	480.000.000	(480.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ĐLGL	Đang hoạt động	-	-	-	-	1.020.000.000	-
Cộng				<u>480.000.000</u>	<u>(480.000.000)</u>	<u>1.500.000.000</u>	<u>(480.000.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	147.487.731.589	63.492.888.171
Lê Ngọc Minh	-	121.260.065.986
Azad International (HK) Ltd.	78.668.432.130	157.667.662.422
Whirlpool Overseas Manufacturing, S.a.r.l	42.624.134.419	26.774.126.057
Whirlpool Corporation	47.018.581.555	7.571.639.796
Lithonia Lighting, A Division	15.800.037.878	16.797.753.674
Công ty CP Công nghiệp KTCB Đá Tây Nguyên	4.374.290.000	4.374.290.000
Tập đoàn XDCD, Thủy Lợi, XNK, Daohuensong& Công ty TNHH ĐTPT MTV Lào	124.864.011.918	126.374.463.675
Hồ Ngọc Hoàng	20.000.000.000	-
Ademco Inc. (Honeywell USA)	540.858.586	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	3.290.286.146	31.818.492.634
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	15.796.110.000	15.796.110.000
Công ty CP Bất Động Sản Hướng Việt	38.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nông Trại Cao Nguyên Quảng Phú I	23.827.100.000	23.827.100.000
Fahim Bahar Ltd Jalalabad Afganistan (Nacem)	4.509.455.938	-
Trần Thị Nhung	-	35.000.000.000
Các đối tượng khác	132.203.125.881	182.058.861.692
Cộng	699.004.156.040	812.813.454.107

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC DLGL	254.800.000	-
Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	13.611.577.690	12.981.158.278
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	3.290.286.146	31.818.492.634
Cộng	17.156.663.836	44.799.650.912

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Đoàn Hải Việt	14.000.000.000	-
Công ty CP DLG CY Việt Nam	-	195.000.000.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Đức Long Gia Lai	88.000.000.000	88.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khai thác CB Đá Tây Nguyên	3.287.000.000	3.287.000.000
Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông I	15.204.370.000	65.204.370.000
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	33.645.534.200	33.645.534.200
Công ty TNHH Thiết bị Phát điện Chúng lực Hồng Nguyên Quảng Đông	15.782.551.400	15.550.669.800
Các đối tượng khác	96.749.005.095	118.635.652.758
Cộng	266.668.460.695	519.323.226.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP DLG CY Việt Nam	-	195.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	-	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	-	1.299.679.552
Cộng	-	196.299.679.552

10. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Cho vay ngắn hạn	1.567.492.492.302	1.411.907.146.155
DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư Xây dựng NHHTC	7.972.371.581	7.972.371.581
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	2.636.100.000	1.200.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Tây Nguyên	21.888.986.557	20.107.350.253
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	199.420.561.912	194.996.033.966
Công ty CP CN Khai thác Chế biến Đá Tây Nguyên	115.009.529.135	85.455.560.260
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	203.233.329.700	202.475.434.700
Công ty TNHH ĐTXD CĐ Phước Hoàng Long	6.075.305.774	6.075.305.774
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	290.892.525.000	260.892.525.000
Công ty TNHH MTV Nông trại Cao nguyên Quảng Phú I	25.831.488.368	23.531.488.368
Công ty TNHH Sản xuất TMDV Đồng Phú Hưng	84.586.364.214	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	144.000.000.000	7.845.000.000
Nguyễn Thanh Tâm	-	106.511.730.000
Công ty TNHH Cung Ứng Vật Tư Nguyên Liệu Tây Nguyên	30.000.000.000	-
Nguyễn Tuấn Vũ	45.360.000.000	25.860.000.000
Trần Thị Như Hạnh	45.000.000.000	40.000.000.000
Nguyễn Thị Anh Thư	47.217.542.000	50.517.542.000
Hoàng Thị Thu Hà	10.000.000.000	-
Hồ Thị Mỹ Trinh	72.471.334.180	121.324.441.688
Nguyễn Văn Bằng	13.200.000.000	14.000.000.000
Bùi Thị Sang	10.300.000.000	11.700.000.000
Đào Anh Tuấn	8.620.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Tân Tiến	-	118.979.777.634
Võ Thị Thu Hằng	96.900.000.000	-
Nguyễn Tuấn Vũ	10.000.000.000	-
Nguyễn Thắng	18.726.900.000	18.726.900.000
Đặng Công Bình	30.850.153.881	30.850.153.881
Lê Văn Thu	4.500.000.000	-
Lê Thị Cẩm Dung	-	8.699.211.750
Các đối tượng khác	22.800.000.000	44.186.319.300
Cho mượn ngắn hạn		
Công ty Liên doanh Mê Kông	-	1.145.485.440
Các đối tượng khác	200.000.000	8.000.000
Cộng	1.567.692.492.302	1.413.060.631.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Cho vay dài hạn	879.362.866.245	476.062.735.933
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Long Gia Lai	15.550.000.000	17.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	-	11.929.144.627
Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	2.388.660.663	2.388.660.663
Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng	22.681.499.608	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	144.045.247.308	171.015.309.657
Hoàng Thị Thu Hà	44.000.000.000	-
Nguyễn Tấn Đạt	65.646.315.786	218.895.854.224
Hồ Thị Mỹ Trinh	25.224.433.460	39.233.766.762
Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	220.000.000.000	-
Nguyễn Thị Như Lũy	11.283.521.888	-
Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên	320.000.000.000	-
Các đối tượng khác	8.543.187.532	15.600.000.000
Cộng	879.362.866.245	476.062.735.933

c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	144.000.000.000	19.774.144.627
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	144.045.247.308	171.015.309.657
Cộng	288.045.247.308	190.789.454.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Nhà nước về cổ phần hóa (*)	24.305.035.075	-	24.305.036.499	-
Phải thu về lãi cho vay	197.020.583.997	(974.653.388)	168.987.348.066	(974.653.388)
- Công ty CP Trồng rừng & Cây CN DLGL	44.656.526.478	-	45.603.579.249	-
- DNTN DL Lữ hành & ĐT Xây dựng NHHTC	974.653.388	(974.653.388)	974.653.388	(974.653.388)
- Công ty CP CN chế biến đá Tây Nguyên	1.483.004.724	-	-	-
- Nguyễn Tân Tiến	-	-	28.168.769.440	-
- Nguyễn Thanh Lâm	81.084.444	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Việt Gia Phát	45.198.309.207	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng DLGL	29.128.704.983	-	21.173.297.438	-
- Các đối tượng khác	75.498.300.773	-	15.502.239.416	-
Tạm ứng	15.253.202.945	(67.479.236)	57.564.809.135	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (**)	301.460.955.907	-	10.943.077.007	-
Ký cược, ký quỹ	25.100.852.685	-	-	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng (***)	196.419.707.103	-	15.066.584.016	-
Phải thu BHXH, BHYT	34.778.800	-	35.862.750	-
Phải thu khác	13.755.407.809	(5.346.471.646)	19.664.029.590	(5.382.024.146)
Cộng	773.350.524.321	(6.388.604.270)	239.001.937.928	(6.356.677.534)

(*) Đây là khoản phải thu Nhà nước từ việc cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai do khi Nhà nước thoái vốn, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa thấp hơn số vốn Nhà nước hiện có đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018). Tuy nhiên, khoản phải thu này chưa được quyết toán và có thể thay đổi khi quyết toán chính thức được phê duyệt.

(**) Là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long để thực hiện dự án Căn hộ cao cấp Sunshine Apartment theo hợp đồng đầu tư số 01005/HĐĐTTC-DLG-VGL ngày 10/05/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01005A/PLHĐĐTTC-DLG-VGL ngày 12/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.

(***) Là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai (Công ty con) cùng Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng để thực hiện dự án Nhà cao tầng Đức Long New Land theo hợp đồng đầu tư số 1205/HĐĐTTC-DLG-DPH ngày 12/05/2016 và Phụ lục hợp đồng số 1205A/PLHĐĐTTC-DLG-DPH ngày 15/05/2016. Thời gian hợp tác là 3 năm, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư của các bên.

b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.430.443.664	-	25.733.944.984	-
Phải thu khác	33.423.900	-	300.041.146.500	-
Cộng	2.463.867.564	-	325.775.091.484	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Phải thu khác là các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	301.460.955.907	300.288.724.110
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	17.175.502.322	4.209.659.393
Cộng	<u>318.636.458.229</u>	<u>304.498.383.503</u>

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	30.006.239.489	22.369.117.175
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.577.103.069	7.567.265.089
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	18.994.025.998	3.759.041.146
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	190.650.000	25.609.275
Cộng	<u>54.768.018.556</u>	<u>33.721.032.685</u>

13. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	61.877.398.800	(969.247.349)	80.325.876.597	(14.383.903.392)
Công cụ, dụng cụ	770.359.413	-	341.058.296	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	142.250.785.769	(31.856.249.594)	375.417.593.078	(3.183.436.800)
Thành phẩm	97.741.864.397	(665.761.367)	23.557.218.169	(3.709.382.832)
Hàng hóa	196.099.239.649	-	286.667.141.133	-
Cộng	<u>498.739.648.028</u>	<u>(33.491.258.310)</u>	<u>766.308.887.273</u>	<u>(21.276.723.024)</u>

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	329.181.189	416.052.289
Chi phí trả trước khác	293.560.787	25.468.142
Cộng	<u>622.741.976</u>	<u>441.520.431</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.338.819.775	2.900.293.585
Quyền sử dụng đất có thời hạn	8.073.946	13.682.184
Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài (*)	34.565.587.515	35.129.121.768
Chi phí tiền thuê đất chờ phân bổ	2.011.233.156	2.060.898.340
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	6.238.504.214	5.334.195.945
Lợi thế thương mại	6.173.745.222	6.881.158.260
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	494.580.553	1.133.446.059
Cộng	51.830.544.381	53.452.796.141

(*) Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Nguyên giá							
Số đầu kỳ	539.974.730.465	596.937.270.270	47.198.895.183	97.590.744.043	575.727.987.750	2.421.224.364.512	4.278.653.992.223
Phân loại lại	4.643.557.318	(527.041.910)	(4.116.516.408)	-	1.000	-	-
Mua sắm trong kỳ	1.238.264.471	30.925.991.861	14.014.467.379	429.058.880	202.000.000	-	46.809.782.591
CL do chuyển đổi	94.895.151	2.610.882.996	33.553.833	427.929.937	-	-	3.167.261.917
Thanh lý, nhượng bán	-	-	332.727.273	40.600.000	-	-	373.327.273
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	19.401.739.005	-	19.401.739.005
Số cuối kỳ	545.951.447.405	629.947.103.217	56.797.672.714	98.407.132.860	556.528.249.745	2.421.224.364.512	4.308.855.970.453
Khấu hao							
Số đầu kỳ	159.014.509.222	572.871.625.191	36.011.701.221	93.761.785.768	245.292.510.923	256.851.599.216	1.363.803.731.541
Phân loại lại	3.237.778.126	(421.633.528)	(2.816.144.598)	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	19.237.786.064	9.257.266.633	3.279.408.317	645.347.705	19.056.702.685	86.355.364.048	137.831.875.452
CL do chuyển đổi	96.647.916	2.515.507.748	29.792.457	413.083.289	-	-	3.055.031.410
Thanh lý, nhượng bán	-	-	249.603.215	31.450.000	-	-	281.053.215
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	14.930.736.849	-	14.930.736.849
Số cuối kỳ	181.586.721.328	584.222.766.044	36.255.154.182	94.788.766.762	249.418.476.759	343.206.963.264	1.489.478.848.339
Giá trị còn lại							
Số đầu kỳ	380.960.221.243	24.065.645.079	11.187.193.962	3.828.958.275	330.435.476.827	2.164.372.765.296	2.914.850.260.682
Số cuối kỳ	364.364.726.077	45.724.337.173	20.542.518.532	3.618.366.098	307.109.772.986	2.078.017.401.248	2.819.377.122.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai (a)	Quan hệ khách hàng kế ước (b)	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	22.999.548.115	432.444.000	160.891.518.744	33.173.100.000	217.496.610.859
Tăng trong kỳ	-	-	16.861.940.478	12.802.823.882	29.664.764.360
CL do chuyển đổi	-	-	759.871.901	202.468.500	962.340.401
Số cuối kỳ	22.999.548.115	432.444.000	178.513.331.123	46.178.392.382	248.123.715.620
Khấu hao					
Số đầu kỳ	3.516.595	401.442.205	131.201.725.608	8.293.275.000	139.899.959.408
Khấu hao trong kỳ	13.590.896	8.763.432	29.022.472.092	3.321.802.444	32.366.628.864
CL do chuyển đổi	-	-	666.148.790	46.635.216	712.784.006
Số cuối kỳ	17.107.491	410.205.637	160.890.346.490	11.661.712.660	172.979.372.278
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	22.996.031.520	31.001.795	29.689.793.136	24.879.825.000	77.596.651.451
Số cuối kỳ	22.982.440.624	22.238.363	17.622.984.633	34.516.679.722	75.144.343.342

- (a) Chi phí triển khai là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng sẽ được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.
- (b) Tài sản cố định vô hình “Quan hệ khách hàng kế ước” phát sinh trong năm 2016 khi Công ty mua mảng hoạt động kinh doanh điện tử tại Hàn Quốc. Giá trị của tài sản này tại ngày mua là 1.450.000 USD (tương đương 11.237.500 HKD). Công ty khấu hao tài sản cố định vô hình này dựa theo thời gian ước tính sử dụng là 10 năm.

17. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	56.149.693.891	122.870.111.864
Tăng trong kỳ	12.578.537.135	-	12.578.537.135
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	79.298.955.108	56.149.693.891	135.448.648.999
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	19.519.950.387	19.519.950.387
Khấu hao trong kỳ	-	1.932.784.094	1.932.784.094
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	21.452.734.481	21.452.734.481
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	66.720.417.973	36.629.743.504	103.350.161.477
Số cuối kỳ	79.298.955.108	34.696.959.410	113.995.914.518

(*) Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá 66.720.417.973 đồng, diện tích 582,7m², thời hạn sử dụng: lâu dài, mục đích sử dụng: cho thuê. Quyền sử dụng đất này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Xây dựng cơ bản	479.505.339.181	405.373.448.492
- Dự án thủy điện Đồng Nai 6	11.709.800.729	11.709.800.729
- Chi phí trồng thay thế hệ thống che bóng, chắn gió cho vườn cà phê bằng cây sầu riêng và cây bơ	1.560.560.847	-
- Tiền sử dụng đất tại bến xe Đà Nẵng	-	12.190.162.500
- Chi phí trung tu dự án BOT	6.998.717.273	-
- Chi phí trồng chanh leo, chuối tại Chi nhánh Chư Sê	20.019.833.162	-
- Dự án chăn nuôi bò	45.623.389.416	45.623.389.416
- Dự án nhà máy điện Tân Thượng	364.981.086.267	309.657.535.646
- Dự án Khách sạn Đức Long tại Đăk Nông	686.363.636	686.363.636
- Dự án DLGL Hotel Pleiku	21.487.550.538	20.985.660.082
- Các công trình xây dựng khác	6.438.037.313	4.520.536.483
Cộng	479.505.339.181	405.373.448.492

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019	01/01/2019
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	18.701.078.493	15.906.588.451
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	3.275.270.768
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.701.078.493	19.181.859.219

20. Lợi thế thương mại

	Năm 2019	Năm 2018
Giá trị đầu kỳ	246.489.847.973	240.320.392.403
Tăng trong kỳ	-	35.965.284.649
Phần bỏ trong kỳ	34.346.673.939	33.335.968.596
Ảnh hưởng đo thoái vốn	(16.821.748.016)	-
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	797.722.501	3.540.139.517
Giá trị cuối kỳ	196.119.148.519	246.489.847.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Công nghiệp KT & CB Đá Tây Nguyên	137.938.775.095	37.323.462.847
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	22.151.667.648	17.231.434.739
Công ty TNHH Xây dựng Nghĩa Thành	1.132.384.400	1.132.384.400
Hung Fai Industrial Technology Ltd	-	64.769.023.152
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	2.731.657.000
Công ty CP Lilama 45.3	30.717.246.000	30.717.246.000
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	14.984.310.509	19.984.310.509
Chi nhánh Sông Đà 901 - Công ty cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	50.954.477.498
Công ty TNHH Cơ điện Tuấn Huy	17.818.217.891	15.581.097.841
QiaoLian Electronics DongGuan CO.,LTD.	1.155.625.502	7.371.362.448
Hong Kong Bai Lian Technology Industrial Limited	-	36.007.855.416
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	17.461.700.000	17.289.180.000
Tổng Cục đường bộ Việt Nam	23.827.239.000	23.827.239.000
Công ty Cổ phần TM - DV BDS Bầu Trời	8.715.276.052	8.674.152.837
Các đối tượng khác	142.725.484.212	227.240.107.895
Cộng	472.686.991.275	560.834.991.582

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	17.461.700.000	17.289.180.000
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	22.151.667.648	17.231.434.739
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	-
Cộng	42.345.024.648	34.520.614.739

22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Vận tải và Quản lý Bến xe Đà Nẵng	27.500.000.000	14.300.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	12.180.800.000	12.180.800.000
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	28.554.105.640	53.415.009.045
Nguyễn Thị Ngọc Trang	4.915.668.952	-
Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng	17.597.820.414	-
Các đối tượng khác	105.634.560.831	254.908.774.341
Cộng	196.382.955.837	334.804.583.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	28.554.105.640	53.415.009.045
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	-	1.972.840.008
Cty CP Đầu tư & Phát Triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	4.188.504.595	4.788.504.595
Cộng	32.742.610.235	60.176.353.648

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	105.197.382	11.516.174.017	34.596.319.949	37.785.524.969	-	-	105.197.382	8.326.968.997
Thuế thu nhập doanh nghiệp	723.560.963	66.271.208.557	26.963.688.991	5.935.758.691	(61.767.349)	257.292.731	592.010.759	87.486.648.733
Thuế thu nhập cá nhân	461.324.716	194.416.337	624.597.381	352.499.220	(2.616.864)	-	234.690.401	237.263.319
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	29.511.936	1.043.032.879	3.625.614.272	2.009.935.912	-	-	126.335.378	2.755.534.681
Các loại thuế khác	86.510	1.565.792.171	501.619.306	249.438.348	-	-	131.510	1.818.018.129
Phí và lệ phí	-	-	43.476.339	43.476.339	-	-	-	-
Cộng	1.319.681.507	80.590.623.961	66.377.929.278	46.381.265.479	(64.384.213)	257.292.731	1.058.365.430	100.642.414.899

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	85.070.182.491	87.627.561.802
Chi phí lãi vay	60.128.579.336	29.551.449.896
Chi phí văn phòng	16.283.691.050	16.668.715.968
Chi phí kiểm toán	2.630.696.250	-
Chi phí hoa hồng môi giới	13.967.098.709	2.816.156.339
Lãi do dự án chậm tiến độ	5.839.059.141	8.961.506.788
Các khoản trích trước khác	64.897.569.082	59.142.936.031
Cộng	248.816.876.059	204.768.326.824

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Doanh thu cho thuê mặt bằng	177.727.274	175.454.546
Cộng	177.727.274	175.454.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	31.687.185	299.338.209
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	987.747.329	334.767.791
Lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	1.443.858.450	1.443.858.450
Lãi vay phải trả	297.153.425.768	141.938.514.599
Phải trả về chế độ đối dư (tài khoản phong tỏa)	2.118.936.388	8.989.838.630
Cổ tức phải trả	148.747.837	148.747.837
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.392.677.422	1.794.284.923
Tạm nhập cả phê ký gửi	2.318.848.741	41.194.807.716
Phải trả khác tại Công ty Cả phê Gia Lai	566.880.000	640.805.014
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long	822.164.272	32.630.451.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.181.610.372	14.963.797.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.252.368.441	11.965.028.010
Cộng	368.418.952.205	256.344.239.759

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	4.090.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	278.804.178	300.768.297
Cộng	368.804.178	4.390.768.297

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan:

	31/12/2019	01/01/2019
Cty CP Đầu tư & Phát Triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	1.505.475.116	2.648.956.054
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	4.133.764.529	4.000.000.000
Cộng	5.639.239.645	6.648.956.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	359.778.727.616	126.832.509.171	97.555.166.324	(4.782.536.091)	47.652.246	384.321.186.618
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	28.933.000.000	-	-	-	-	28.933.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	257.391.363.779	-	17.014.864.379	-	-	240.376.499.400
- Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - CN Gia Lai	18.000.000.000	81.918.678.538	52.735.307.863	-	-	47.183.370.675
- Ngân hàng Standard Chartered Bank (HK) Ltd - USD	2.287.800.000	2.305.680.000	2.290.900.000	-	10.120.000	2.312.700.000
- Shinhan Bank (KRW)	5.193.524.448	-	221.977.864	-	22.194.506	4.993.741.090
- Tradewind Invest LLC	8.325.189.072	1.332.500.625	8.336.472.772	-	15.337.740	1.336.554.665
- Công ty CP ĐT&PT Điện năng Đức Long Gia Lai	30.155.896.726	140.000.000	7.188.898.946	-	-	23.106.997.780
- Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCC Đức Long Gia Lai	-	2.878.040.008	-	-	-	2.878.040.008
- Các đối tượng khác	9.491.953.591	38.257.610.000	9.766.744.500	(4.782.536.091)	-	33.200.283.000
Các khoản mượn bằng tiền	43.720.379.480	162.497.140.290	187.577.519.770	-	-	18.640.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	140.361.504	-	140.361.504	-	-	-
- Phan Đình Trung	42.800.000.000	160.997.140.290	185.157.140.290	-	-	18.640.000.000
- Các đối tượng khác	780.017.976	1.500.000.000	2.280.017.976	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	263.343.274.696	235.309.954.200	89.577.422.476	-	-	409.075.806.420
- Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCC Đức Long Gia Lai	70.500.000.000	129.000.000.000	60.943.000.000	-	-	138.557.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	58.065.858.000	101.312.000.000	28.200.000.000	-	-	131.177.858.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	11.174.508.800	-	-	-	-	11.174.508.800
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	122.407.187.896	4.539.644.200	-	-	-	126.946.832.096
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	1.195.720.000	458.310.000	-	-	-	1.219.607.524
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	371.069.347.003	7.305.152.997	434.422.476	-	-	378.374.500.000
Cộng	1.037.911.728.795	531.944.756.658	374.710.108.570	(4.782.536.091)	47.652.246	1.190.411.493.038

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LẠI
90 Lê Duẩn, Phường Phú Đông, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay dài hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng/giảm do hợp nhất	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	2.813.764.774.228	169.998.149.506	124.758.537.476	-	-	2.859.004.386.258
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	906.269.403.555	60.000.000.000	122.000.000.000	-	-	844.269.403.555
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Lai	1.512.778.851.160	55.272.529.438	300.000.000	-	-	1.567.751.380.598
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	55.174.137.200	-	-	-	-	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN TP HCM	198.293.066.129	-	-	-	-	198.293.066.129
- Liên hiệp Chế Việt Nam	2.257.430.000	-	1.699.822.476	-	-	557.607.524
- Trịnh Đình Trường	767.498.084	7.811.078	-	-	-	775.309.162
- Lâm Quốc Hoàng	138.224.388.100	-	-	-	-	138.224.388.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	-	3.552.000.000	-	-	-	3.552.000.000
- Hồ Thị Mỹ Trinh (t9)	-	38.375.903.090	-	-	-	38.375.903.090
- Nguyễn Kim Thăng	-	789.973.000	758.715.000	-	-	31.258.000
- Các đối tượng khác	-	9.905.000.000	-	-	-	9.905.000.000
Trái phiếu thương	-	2.094.932.900	-	-	-	2.094.932.900
	496.997.163.674	1.823.813.001	-	-	-	498.820.976.675
Cộng	3.310.761.937.902	171.821.962.507	124.758.537.476	-	-	3.357.825.362.933
Trong đó:						
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	263.343.274.696	-	-	-	-	435.918.806.420
- Trái phiếu phát hành đến hạn	371.069.347.003	-	-	-	-	378.374.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.676.349.316.203					2.543.532.056.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Trái phiếu phát hành

	31/12/2019				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy kế	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	6.518.829.294	366.000.000.000	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	134.000.000.000	2.593.300.000	1.039.776.675	132.446.476.675	10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	500.374.500.000	9.112.129.294	7.558.605.969	498.820.976.675	

	01/01/2019				
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
Loại phát hành theo mệnh giá					
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	366.000.000.000	6.518.829.294	5.231.676.297	364.694.847.003	11% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu kỳ hạn 5 năm	134.000.000.000	2.593.300.000	521.116.671	131.927.816.671	10% kỳ đầu và thả nổi từ kỳ thứ 2
- Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	-	-	374.500.000	13%/năm
Cộng	500.374.500.000	9.112.129.294	5.752.792.968	496.997.163.674	

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng tái cơ cấu	3.992.805.390	2.496.285.000
Cộng	3.992.805.390	2.496.285.000

29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	23.484.784.201	17.482.049.369
Cộng	23.484.784.201	17.482.049.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	2.850.578.150.000	50.510.908.328	12.678.454.700	6.196.436.959	180.792.184.488
Tăng trong kỳ	142.519.050.000	-	-	-	8.130.095.592
Giảm trong kỳ	-	-	(3.886.116.554)	-	146.919.050.000
Số dư tại 31/12/2018	2.993.097.200.000	50.510.908.328	16.564.571.254	6.196.436.959	42.003.230.080
Số dư tại 01/01/2019	2.993.097.200.000	50.510.908.328	16.564.571.254	6.196.436.959	42.003.230.080
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	104.906.312.769
Giảm trong kỳ	-	-	9.505.849.663	-	-
Số dư tại 31/12/2019	2.993.097.200.000	50.510.908.328	7.058.721.591	6.196.436.959	146.909.542.849

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.993.097.200.000	2.850.578.150.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	142.519.050.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
Cổ tức đã chia	-	142.519.050.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	42.003.230.080	180.792.184.488
Các khoản tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	380	(39.761.128)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	104.906.312.389	8.169.856.720
Phân phối lợi nhuận	-	146.919.050.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	146.919.050.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.400.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	142.519.050.000
- Giảm do thoái vốn	-	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
- Tạm ứng cổ tức	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	146.909.542.849	42.003.230.080

31. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư tại ngày đầu năm	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	373.950.382.270	251.003.529.473
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	2.746.901.069	124.430.306.241
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	2.967.696.262	6.183.272.650
- Tăng từ góp vốn	-	10.000.000
- Tăng từ hợp nhất công ty con	-	118.144.021.206
- Tăng từ CLTG chuyển đổi	(220.794.813)	90.263.828
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(380)	2.748.557
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	2.443.805.649	1.483.453.444
- Giảm tương ứng với lãi chưa thực hiện tại Công ty con	-	-
- Giảm từ CLTG chuyển đổi	-	-
- Giảm do thoái vốn Công ty con	2.443.805.649	1.483.453.444
- Giảm từ điều chỉnh tỷ lệ sở hữu	-	-
Cộng	374.253.477.690	373.950.382.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
Doanh thu bán hàng	654.361.584.184	723.888.510.240
- Doanh thu bán đã	35.228.388.000	17.581.312.500
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	537.724.177.959	562.193.601.326
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	9.224.816.286	4.352.907.595
- Doanh thu bán phân bón	49.133.360.000	84.454.167.500
- Doanh thu bán thành phẩm đá	-	33.600.000
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	22.712.091.939	37.403.761.905
- Doanh thu bán hàng khác	338.750.000	17.869.159.414
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.713.344.356	100.068.367.553
- Doanh thu cho thuê tài sản	1.819.731.684	1.335.004.409
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	258.122.013	13.372.081.300
- Doanh thu phí BOT	88.424.554.315	85.128.654.542
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	210.936.344	232.627.302
Cộng	745.074.928.540	823.956.877.793

33. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.838.137	9.240.022.417
Hàng bán trả lại	-	2.043.512.228
Cộng	5.838.137	11.283.534.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	529.997.820.495	651.548.620.052
- Giá vốn bán đá	35.359.420.038	15.227.848.287
- Giá vốn linh kiện điện tử	420.476.603.116	499.743.189.350
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	6.752.428.644	5.062.279.696
- Giá vốn bán phân bón	48.887.817.219	83.569.390.572
- Giá vốn bán đá thành phẩm	-	55.987.174
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	18.521.551.478	35.744.906.413
- Giá vốn bán hàng khác	-	12.145.018.560
Giá vốn cung cấp dịch vụ	40.918.963.461	66.037.500.509
- Giá vốn cho thuê tài sản	2.404.684.881	1.071.103.544
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	815.714.941	12.985.994.417
- Giá vốn thu phí BOT	37.698.563.639	51.907.675.276
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	-	72.727.272
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27.761.861.597	80.147.178
Giá vốn khác	6.041.720.771	-
Cộng	604.720.366.324	717.666.267.739

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.054.282.525	34.487.148.258
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	981.222.047
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.728.094	24.458.271
Cộng	41.056.010.619	35.492.828.576

36. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	78.544.985.160	72.330.489.306
Lãi trái phiếu	15.479.857.877	13.212.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	84.463	132.785.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.105.665.605	-
Phí phát hành trái phiếu	455.953.248	455.953.251
Chi phí tài chính khác	-	1.757.576.336
Cộng	101.586.546.353	87.888.803.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoa hồng	1.609.491.052	29.874.152
Chi phí nhân công	14.645.139	1.312.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.855.000	37.882.846
Chi phí vận chuyển	1.006.413.389	28.896.237
Các khoản khác	3.971.149.949	212.537.079
Cộng	6.631.554.528	310.502.392

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu	1.753.280.297	1.996.187.792
Chi phí nhân công	1.603.800.410	1.542.104.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.855.416.575	14.481.697.729
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.300.846.774	1.703.350.549
Phân bổ lợi thế thương mại	8.059.386.301	8.655.617.066
Các khoản khác	123.130.032	7.280.284.803
Cộng	54.695.860.389	35.659.242.061

38. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Thu tiền bán điện	-	18.997.546
Các khoản thu nhập khác	1.554.840.024	1.827.197.282
Cộng	1.554.840.024	1.846.194.828

39. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Phạt chậm ký hợp đồng	2.531.153.131	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	322.773.598	389.430.351
Tiền chậm nộp	79.862.731	54.565.978
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	311.395.555	554.430.861
Chi phí khác	127.663.799	7.031.156.484
Cộng	3.372.848.814	8.029.583.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.348.504.300	4.280.324.949
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.348.504.300	4.280.324.949
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	35	14

41. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.869.105.858	202.081.194.149
Chi phí nhân công	144.865.605.606	82.152.783.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.835.404.696	43.421.054.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.826.615.295	69.735.443.809
Chi phí khác bằng tiền	4.358.943.077	9.866.532.472
Cộng	387.755.674.532	407.257.008.691

42. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thiếu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Tập đoàn ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá bán phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Tập đoàn vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, Tập đoàn đang gặp rủi ro do chưa chuyển nhượng được số chứng khoán kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 6. Hiện nay, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Tập đoàn luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Tập đoàn đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	472.686.991.275	-	472.686.991.275
Chi phí phải trả	248.816.876.059	-	248.816.876.059
Vay và nợ thuê tài chính	1.190.411.493.038	2.543.532.056.513	3.733.943.549.551
Phải trả khác	367.399.517.691	368.804.178	367.768.321.869
Cộng	2.279.314.878.063	2.543.900.860.691	4.823.215.738.754
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	560.834.991.582	-	560.834.991.582
Chi phí phải trả	204.768.326.824	-	204.768.326.824
Vay và nợ thuê tài chính	1.037.911.728.795	2.676.349.316.203	3.714.261.044.998
Phải trả khác	255.710.133.759	4.390.768.297	260.100.902.056
Cộng	2.059.225.180.960	2.680.740.084.500	4.739.965.265.460

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.709.894.555	-	135.709.894.555
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Phải thu khách hàng	675.237.975.126	-	675.237.975.126
Phải thu về cho vay	1.559.720.120.721	879.362.866.245	2.439.082.986.966
Phải thu khác	751.776.196.342	2.463.867.564	754.240.063.906
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
Cộng	3.386.444.186.744	881.826.733.809	4.268.270.920.553
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.631.825.874	-	79.631.825.874
Chứng khoán kinh doanh	264.000.000.000	-	264.000.000.000
Phải thu khách hàng	797.335.913.576	-	797.335.913.576
Phải thu về cho vay	1.406.186.045.804	476.062.735.933	1.882.248.781.737
Phải thu khác	221.702.183.387	325.775.091.484	547.477.274.871
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	2.768.855.968.641	802.857.827.417	3.571.713.796.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng đặc điểm của Công ty là hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung tại địa bàn tỉnh Gia Lai, các khách hàng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của Công ty nằm trên cùng địa bàn. Các đối tác này chủ động trong việc tổ chức mạng lưới tiêu thụ và phân phối sản phẩm theo các khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2019

Theo Lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm tự gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt doanh bắt động sản	Hoạt động kinh doanh bắt động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng
1 Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.963.351.622.281	127.328.453.062	254.601.169.500	349.464.166.813	1.053.509.098	78.646.417	167.222.446.675	-	2.863.100.013.846
Doanh thu giữa các bộ phận	(37.040.951.699)	(20.895.509.000)	-	(20.288.491.819)	-	-	(2.913.072.728)	81.138.025.246	-
2 Giá vốn của bộ phận	1.667.327.896.579	112.350.133.617	253.236.203.857	127.812.060.603	218.181.818	73.731.017	191.791.728.065	-	2.352.809.935.556
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	296.023.725.702	14.978.319.445	1.364.965.643	221.652.106.210	835.327.280	4.915.400	(24.569.281.390)	-	510.290.078.290
4 Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2019	1.768.989.306.917	1.598.755.512.470	470.995.269.635	4.590.791.406.439	(1.425.131.683)	194.506.273.321	154.634.822.509	-	8.777.247.439.608
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.421.112.114)
Tổng tài sản	1.699.640.587.545	370.341.392.771	42.460.353.035	2.877.833.587.140	(29.564.025.766)	110.754.351.693	94.320.018.836	-	8.771.826.347.494
5 Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2019	-	-	-	-	-	-	-	-	5.165.786.465.254
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	27.125.416.545
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	5.192.911.881.799
6 Khoản hao và chi phí phân bổ	46.318.786.394	17.214.895.189	11.338.574.595	91.193.597.299	21.320.204	3.703.183.004	12.107.212.992	-	181.897.569.676
- <i>Khoản hao</i>	45.587.808.198	17.085.562.314	10.235.422.114	88.946.861.397	-	2.787.191.238	11.895.238.724	-	176.558.104.205
- <i>Chi phí phân bổ</i> 42.242	730.978.196	129.332.675	1.003.152.481	2.246.735.902	21.320.204	915.991.746	211.954.268	-	5.339.465.471
7 Khoản hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.214.056.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2018
Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, linh kiện điện tử	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ, cao su, nông nghiệp	Kinh doanh phân bón	Công trình xây dựng, thu phí BOT	Dịch vụ bến xe và xe buýt	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác (cho thuê tài sản, khách sạn...)	Loại trừ	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.077.440.112.435	45.944.713.281	396.184.846.419	373.754.273.523	815.973.615	-	20.152.530.661	-	2.914.292.449.934
Doanh thu giữa các bộ phận	(121.773.642.254)	(29.820.031.000)	-	(35.683.876.363)	-	-	(3.163.636.363)	130.451.185.980	-
2. Giá vốn của bộ phận	1.893.951.289.777	35.524.838.910	396.005.690.532	146.876.065.161	456.187.581	-	20.555.087.314	-	2.483.989.317.265
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	183.488.822.658	10.419.876.371	9.578.995.887	226.878.208.362	359.786.024	-	(402.556.653)	-	430.323.132.649
4. Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2018	1.579.696.000.015	1.607.189.522.700	443.389.567.938	4.553.061.092.470	(31.653.703.412)	360.053.376.528	195.184.899.418	-	8.716.820.725.655
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.562.761.271)
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	8.712.257.964.384
5. Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2018	1.628.851.066.297	276.347.397.920	42.460.353.035	2.904.677.533.895	(29.638.842.916)	291.548.728.935	89.331.258.494	-	5.203.577.495.670
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	26.525.896.545
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	5.230.103.392.215
6. Khấu hao và chi phí phân bổ	58.796.631.101	5.672.046.062	9.889.442.602	87.663.243.756	21.320.204	3.889.008.119	2.730.156.074	-	169.672.847.918
- Khấu hao	58.267.103.905	5.783.964.387	8.807.541.222	86.617.758.655	-	2.993.616.373	2.719.452.806	-	164.179.637.448
- Chi phí phân bổ 42.242	529.727.196	88.081.675	881.901.481	2.045.484.902	21.320.204	915.991.746	10.703.268	-	4.493.210.472
7. Khấu hao và chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	433.896.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

44. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại Công ty này là 40%.
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 20%. Ông Bùi Pháp - Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là chủ tịch HĐQT của Công ty này.
Công ty Cổ phần DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết. Tỷ lệ vốn DLG cam kết góp tại công ty này là 40%.
Công ty CP Dịch vụ công cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư. Tỷ lệ vốn góp của DLG tại công ty này là 4%.
Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	Có chung cổ đông lớn là ông Bùi Pháp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Công ty liên kết của Công ty có chung cổ đông lớn (Công ty CP ĐT PT Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con của Công ty có chung cổ đông lớn (Công ty CP ĐT PT Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Ông Bùi Pháp là Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐTV của Công ty này
Cty CP Đầu tư & Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	Ông Bùi Pháp là Chủ tịch HĐQT của DLG đồng thời là Chủ tịch HĐTV của Công ty này

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	1.536.000.000	1.536.000.000
Công ty CP DV CTCC Đức Long Bảo Lộc	2.691.290.376	2.691.290.376
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	-	36.733.307.611
Cty CP Đầu tư & Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	545.454.545	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	-	2.055.375.000
Mua hàng, nhận dịch vụ		
Công ty CP Đầu tư Phát triển DVCT CC ĐLGL	229.090.908	381.818.184
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	69.099.132.000	42.269.496.000
Các giao dịch khác		
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DVCT CC ĐLGL	-	-
Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	10.522.850.102	11.956.869.050
Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Vạn Gia Long	341.512.072	288.724.110
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	225.036.000	225.036.000

45. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

46. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC; Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018 do đơn vị lập.



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Cao Châu

Đỗ Thành Nhân

Nguyễn Khoa Diệu Thu

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2020

C.P.T.